



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

23

Tháng 12 - 2018

HỘI THẢO “20 NĂM HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC”

Hà Nội, ngày 7 tháng 12 năm 2018



Thư trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo



Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam Trần Ngọc Chính phát biểu tại Hội thảo

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

23

SỐ 23 - 12/2018



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 5

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 8

- UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố 11

- UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt đề cương nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠM
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài do Hội Môi trường xây dựng Việt Nam thực hiện 16
- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện 17
- Nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu ứng dụng cọc xi măng - tro bay - cốt liệu CFG để xử lý nền móng công trình xây dựng tại Việt Nam” 19
- Hội thảo "Đề án nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025" 20
- Bê tông cốt sợi thép cho ngành công nghiệp hạt nhân 21
- Công nghệ in 3D trong xây dựng của Hà Lan 24
- Liên bang Nga đẩy mạnh xây dựng đường bê tông xi măng 25

Thông tin

- Hội nghị thẩm định Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai 28
- Hội nghị thẩm định Đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 30
- Hội thảo “Quản lý và phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn” 32
- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng 35
- Hội thảo “20 năm Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam với sự nghiệp quy hoạch xây dựng đất nước” 36
- Bộ Xây dựng triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư 38
- Cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ 5 (JCC) Dự án tăng cường năng lực - Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển thoát nước Việt Nam 41
- Hệ thống thu gom rác thải tự động 42
- Kinh nghiệm về nhà ở cho thuê của Trung Quốc và các nước trên thế giới 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1699/QĐ-TTg điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm:

Toàn bộ diện tích huyện Tĩnh Gia (12 xã trong Khu kinh tế Nghi Sơn cũ và các xã còn lại của huyện Tĩnh Gia); 03 xã: Yên Mỹ, Công Bình, Công Chính (thuộc huyện Nông Cống) và 03 xã: Thanh Tân, Thanh Kỳ, Yên Lạc (thuộc huyện Như Thanh).

2. Tính chất

- Là khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản, gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn; vận hành theo cơ chế ưu đãi đặc biệt; là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc miền Trung;

- Là cụm đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đồng bộ và hiện đại với trung tâm là thành phố công nghiệp Nghi Sơn và các đô thị Hải Ninh, Yên Mỹ, Thanh Tân, được phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - bền vững;

- Là đầu mối giao thông quan trọng, cửa ngõ giao lưu trao đổi hàng hóa, kết nối vùng Bắc Lào, Đông Bắc Thái Lan, vùng phụ cận Thanh Hóa với tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế thông qua hệ thống đường bộ và cảng biển Nghi Sơn;

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh - quốc phòng.

3. Định hướng phát triển không gian

a) Các định hướng phát triển không gian

- Quy hoạch không gian tổng thể Khu kinh tế Nghi Sơn được triển khai theo phân khu (diện) và mạng lưới (tuyến) như sau:

+ Hình thành mạng lưới kết nối các khu vực đô thị, lấy khu vực đô thị trung tâm huyện Tĩnh Gia làm trung tâm tổng hợp của Khu kinh tế Nghi Sơn, gắn với các chức năng hành chính, giáo dục, công nghiệp triển khai R&D và nhà ở đô thị;

+ Hình thành 02 vành đai xanh dựa trên hệ thống núi rừng hiện hữu trong khu kinh tế. Vành đai thứ nhất là vùng đồi núi bao quanh vùng lõi khu kinh tế gồm: Khu vực khu kinh tế cũ và khu vực đô thị trung tâm Tĩnh Gia; vành đai thứ 2 là vùng đồi núi bao quanh khu vực phía Tây và phía Đông Bắc của khu kinh tế mở rộng;

- Phân vùng đất liền Khu kinh tế Nghi Sơn thành 05 khu vực như sau:

+ Khu cảng Nghi Sơn: Là khu vực trọng điểm phát triển của Khu kinh tế Nghi Sơn. Trong đó tập trung phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp phụ trợ, tổng kho dầu thô và hóa chất, các kho xăng dầu, khí hóa lỏng, cảng biển, dịch vụ logistics, hậu cần cảng và một số chức năng khác;

+ Khu phía Nam (gồm các xã: Tùng Lâm, Tân Trường, Trường Lâm, Phú Lâm): Là khu vực phát triển logistics, cảng cạn, công nghiệp phụ trợ, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, tổng kho dầu thô và hóa chất v.v... Đây là khu vực trọng yếu về giao thông với Quốc lộ 1A, nút giao đường bộ cao tốc, đường sắt Bắc Nam, ga

và đường sắt cao tốc. Là khu vực cửa ngõ của tỉnh Thanh Hóa và Khu kinh tế Nghi Sơn ở phía Nam, hình thành liên kết vùng với tỉnh Nghệ An.

+ Khu đô thị trung tâm (gồm thị trấn Tĩnh Gia và các xã: Ninh Hải, Hải Nhân, Hải Hòa, Bình Minh, Hải Thanh, Nguyễn Bình, Xuân Lâm, Trúc Lâm): Là trung tâm thành phố với các hoạt động thương mại, dịch vụ, hành chính - chính trị, văn hóa - xã hội, vv... Phía Tây khu đô thị trung tâm phát triển chuyên biệt về giáo dục, đào tạo và công nghiệp triển khai R&D, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Khu Đông Bắc (gồm các xã: Hải Châu, Hải An, Tân Dân, Hải Lĩnh, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Triều Dương, Ngọc Lĩnh, Hùng Sơn, Định Hải, Anh Sơn và trung tâm là khu đô thị Hải Ninh): Là cửa ngõ phía Bắc của Khu kinh tế Nghi Sơn, có dải ven biển dài 15 km. Quy hoạch phát triển du lịch biển kết hợp với đô thị; phát triển khu công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến thủy, hải sản, tổng kho đông lạnh;

+ Khu phía Tây (gồm các xã: Công Chính, Công Bình, Yên Mỹ, Các Sơn, Phú Sơn, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ): Là khu vực phát triển du lịch sinh thái, vui chơi giải trí gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên của Khu kinh tế Nghi Sơn với trung tâm là hồ Yên Mỹ, ngoài ra khai thác phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, công nghiệp phụ trợ, chế biến nông, lâm sản,...

4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại

+ Đường bộ: Nâng cấp, mở rộng: Tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Nghi Sơn - Bãi Trành; đường 525; đường 512; đường 529; xây dựng mới: Cao tốc Bắc Nam; tuyến đường bộ ven biển; đường nối Quốc lộ 1A với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn;

bố trí các nút giao thông và các tuyến đường gom đảm bảo theo quy định;

+ Đường sắt: Xây dựng mới ga trung chuyển tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm kết hợp cảng cạn Depot-ICD và trung tâm logistics; nâng cấp, mở rộng ga Văn Trai (tại xã Hải Nhân) hiện tại thành ga hành khách chính nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách cho Khu kinh tế Nghi Sơn; xây dựng tuyến đường sắt nối từ ga hàng hóa tại Cảng Nghi Sơn ra ga trung chuyển tại xã Trường Lâm.

+ Hàng không: Sử dụng sân bay tại huyện Thọ Xuân, khoảng cách đến Khu kinh tế Nghi Sơn khoảng 65 km.

- Giao thông đối nội

+ Đường chính đô thị có chỉ giới đường đỏ từ 27.0 m ÷ 66.0 m, gồm: Tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn; đường Đông Tây 1; đường Hải Hòa - Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; đường Bắc Nam 2; đường Tân Trường - Thanh Tân; đường Vành đai khu công nghiệp Tân Trường; ...

+ Đường liên khu vực có chỉ giới đường đỏ từ 17.5 m ÷ 96.0 m, gồm: Trục chủ đạo trung tâm đô thị; trục cảnh quan Định Hải - Hải Lĩnh; trục trung tâm phía Bắc Khu kinh tế Nghi Sơn, nối khu công nghiệp phía Bắc với khu sinh thái biển phía Đông Bắc; đường Hải Ninh - Hùng Sơn; đường Anh Sơn - Yên Mỹ; tuyến Yên Lạc 1; đường Đông đường sắt Bắc Nam; đường phía Tây đường sắt Bắc Nam; đường Hải Nhân - Xuân Lâm; đường Ninh Hải - Bình Minh; đường Hải Châu - Ngọc Lĩnh; đường Anh Sơn - Ninh Hải; đường phía Đông đường sắt cao tốc Bắc Nam; ..

+ Đường chính khu vực có chỉ giới đường đỏ từ 17.5 m ÷ 60.0 m, gồm: đường Bắc Nam 3; đường Bắc Nam 4; đường Đông Tây 2; đường Tĩnh Hải - Cảng cá; đường Hải Hòa - Bình Minh, Tân Dân - Hải Ninh; đường Bình Minh - Nguyễn Bình; đường Hải Lĩnh - Bình Minh; đường Hải Châu - Hải An; Tân Dân - Hải Ninh; đường Yên

Lạc 2,...

b) San nền thoát nước

- Giải pháp san nền: Độ dốc nền thoát nước đảm bảo thoát nước mặt tốt; San lấp cục bộ, cân bằng đào đắp đối với khu vực theo nguyên tắc xử lý cục bộ tại chỗ, cân bằng đào đắp trong từng công trình. Các khu vực không tổ chức xây dựng sẽ giữ nguyên địa hình tự nhiên. Đối với các khu dân cư hiện trạng đã tương đối ổn định, khi phát triển xen cấy bổ sung xây dựng thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần quản lý cao độ nền. Nền xây dựng phải đảm bảo phối kết hài hòa với khu vực xung quanh, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước chung của khu vực;

- Thoát nước mưa: Dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, thiết kế cống tự chảy và thoát ra nguồn tiếp nhận gần nhất; mạng lưới thoát nước trải đều theo mạng lưới đường.

c) Cấp nước:

- Nguồn nước: Giai đoạn đầu đến năm 2025 nhu cầu dùng nước 284.000 m³/ngày đêm, sẽ lấy nước từ hồ Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa, Hao Hao và hồ Cửa Đạt. Giai đoạn dài hạn đến năm 2035, nhu cầu dùng nước 385.000 m³/ngày đêm, lấy từ nguồn nước hồ Bái Thượng, Sông Mực, Yên Mỹ, Đồng Chùa, Hao Hao;

d) Cấp điện

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của Khu kinh tế Nghi Sơn giai đoạn đầu đến năm 2025: Công suất 1.303,3 MVA; dài hạn đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050: Công suất 2.737,1 MVA;

- Nguồn điện: Lấy từ hệ thống điện Quốc gia khu vực miền Trung, thông qua lưới điện 500kV và 220kV;

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Quy hoạch thoát nước thải: Tổng lượng nước thải đến năm 2025: 231.000 m³/ngày đêm; Tổng lượng thải đến năm 2035: 328.000 m³/ngày đêm. Mạng lưới thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt đô thị, cụm dân cư độc lập và khu du lịch sau khi xử lý sơ bộ bằng bể

tự hoại được đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả vào môi trường;

- Nước thải công nghiệp được xử lý sơ bộ tại từng xí nghiệp sau đó đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chất lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn: Mở rộng Khu xử lý chất thải tại xã Trường Lâm quy mô từ 60 ha lên 108,7 ha với công suất 2.500 tấn/ngày đêm phục vụ nhu cầu xử lý chất thải rắn cho toàn bộ Khu kinh tế Nghi Sơn;

- Nghĩa trang: Mở rộng nghĩa trang Khu kinh tế Nghi Sơn tại khu vực sườn núi Lâm Động xã Xuân Lâm và xã Nguyên Bình khoảng 70 ha; xây dựng mới Nghĩa trang núi Bọm, quy mô khoảng 30 ha.

e) Thông tin liên lạc

- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin liên lạc của Khu kinh tế Nghi Sơn phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao,... phù hợp với sự phát triển chung của cả nước;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và một số các đơn vị khác;

5. Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư:

- Công nghiệp: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp số 1, 2, 3, 4, 5, 6 nhằm đáp ứng nhu cầu đất công nghiệp giai đoạn trước mắt; xúc tiến đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, tổng kho dầu thô, hóa chất...; đầu tư hạ tầng kỹ thuật thiết yếu khu vực phía Tây đô thị trung tâm nhằm kêu gọi đầu tư xây dựng khu đào tạo, nghiên cứu và công nghiệp triển khai R&D;

- Du lịch: Hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch ven biển khu vực từ sông Ghép đến hết xã Hải Thanh, đảo Biện Sơn, đảo Hòn Mê; đầu

tư xây dựng các công trình có tính chất tạo động lực nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển của đô thị Yên Mỹ; kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án du lịch, sân golf tại khu vực hồ Yên Mỹ và hồ Hao Hao,...; quảng bá hình ảnh du lịch gắn với các tour tuyến du lịch tại khu kinh tế và các khu du lịch lân cận;

- Đô thị: Thực hiện các dự án phát triển nhà ở gắn với hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật cho từng khu đô thị, đáp ứng việc cải tạo, sắp xếp tái định cư, nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu của người dân và hình thành đô thị; xây dựng, cải tạo và bổ sung các trung tâm chuyên ngành như trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm, trung tâm văn hóa, công viên vui chơi giải trí và thể dục thể thao.

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Cảng biển: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cảng biển; đầu tư mở rộng cảng về phía Bắc và phía Nam; nạo vét luồng cảng và nâng cấp cầu cảng Nghi Sơn đáp ứng cỡ tàu từ 70.000DWT- 100.000DWT;

+ Đường sắt: Xây dựng mới ga trung chuyển kết hợp cảng cạn Depot- ICD và trung tâm

logistics tại xã Trường Lâm thay thế ga Khoa Trường và ga Trường Lâm;

+ Đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường ven biển chạy qua Khu kinh tế Nghi Sơn đi Nghệ An; xây dựng mới tuyến đường nối Quốc lộ 1A với đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; xây dựng mới tuyến đường Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn kết nối trực tiếp vào cảng Nghi Sơn theo quy hoạch; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông khung;

+ Nâng cấp, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông, thoát nước trong Khu kinh tế Nghi Sơn;

+ Đầu tư xây dựng các khu xử lý nước thải tập trung cho Khu kinh tế Nghi Sơn hiện hữu và khu đô thị trung tâm; mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại xã Trường Lâm; mở rộng nghĩa trang nhân dân tại xã Nguyên Bình và xây mới nghĩa trang núi Bọm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số

75/2014/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, chi trả trực tiếp cho đối tượng bị ảnh hưởng và thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai và Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP Chính

phủ và bổ sung tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP). Trường hợp nhận thay thì phải có giấy ủy quyền được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức hành nghề công chứng xác nhận theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định theo quy định tại Mục 3 Chương II Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP) và Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP. Trường hợp UBND tỉnh ủy quyền xác định giá đất cụ thể cho UBND cấp huyện xây dựng, thẩm định, phê duyệt thì tổ chức thực hiện theo sự phân cấp, ủy quyền.”

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất ở có vườn, ao thì diện tích đất ở được xác định như sau”:

a) Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) và Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP mà trên giấy tờ đó đã thể hiện rõ phạm vi vị trí đất ở, đất vườn ao thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và vị trí đất ở, đất vườn ao trên thực địa để xác định loại đất cụ thể.

b) Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này mà trên giấy tờ đó không thể hiện rõ phạm vi vị trí đất ở, đất vườn ao hoặc thửa đất đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về

quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Khoản 18, Khoản 19 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và hiện trạng sử dụng đất có nhà, công trình phục vụ sinh hoạt để xác định diện tích đất ở nhưng không vượt quá diện tích đất ở được công nhận hợp pháp theo quy định, phần diện tích đất còn lại được xác định là đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật đất đai.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

a. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một (01) thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi, thì UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

b. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì UBND cấp huyện xem xét từng trường hợp cụ thể để bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng sử

dụng đất đối với đất đủ điều kiện bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành thì được bồi thường bằng tiền theo thiệt hại thực tế. Mức bồi thường cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt cùng với phương án bồi thường, nhưng tối đa không quá 80% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng”.

Riêng đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì được bồi thường tối đa không quá 30% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 như sau:

“1. Bồi thường về di chuyển mồ mả thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”.

Người có mồ mả phải di chuyển được địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp theo Đơn giá bồi thường do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.

Trường hợp khi thu hồi đất nghĩa trang, nghĩa địa, nếu Nhà nước không quy hoạch, xây dựng khu nghĩa trang, nghĩa địa để di chuyển mồ mả theo quy định thì người có mồ mả tự lo đất để di chuyển mồ mả được bồi thường chi phí về đất với các mức cụ thể sau đây:

- Tại địa bàn thành phố Hà Tĩnh: 4.000.000 đồng/m²;

- Tại địa bàn thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh: 3.000.000 đồng/m²;

- Tại các huyện trong tỉnh: 2.000.000 đồng/m².

“2. Đối với trường hợp cá biệt khác, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào tình hình thực tế, lập dự toán cụ thể

mức bồi thường trình cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp tỉnh có ý kiến thống nhất trước khi trình thẩm định, phê duyệt.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong đó:

1. Mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì thời gian được hỗ trợ:

- 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở;
- 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;
- Trường hợp phải di chuyển đến các địa

bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì thời gian được hỗ trợ:

- 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở;
- 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;
- Trường hợp phải di chuyển đến các địa

bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các Điểm a và b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/01 tháng, theo thời giá trung bình ở địa phương tại thời điểm tính hỗ trợ.

d) Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b Khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21 Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của

xã, phường, thị trấn

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Mức hỗ trợ cho địa phương có đất công ích bị thu hồi bằng 70% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ; trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư theo các mức như sau:

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là hộ) bị thu hồi diện tích đất ở từ 180m² trở lên

đối với các phường, từ 200m² đối với các thị trấn, từ 250m² trở lên đối với khu vực nông thôn bám trục đường giao thông Quốc lộ, Tỉnh lộ; từ 300m² trở lên đối với các khu vực còn lại thuộc xã đồng bằng, từ 400m² trở lên đối với các khu vực còn lại thuộc xã miền núi thì mỗi hộ tự lo chỗ ở được hỗ trợ: 100.000.000 đồng/hộ.

Việc xác định xã đồng bằng, xã miền núi được thực hiện theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã của UBND tỉnh (hiện hành) phục vụ xây dựng Bảng giá đất và các quy định khác (nếu có) của UBND tỉnh tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để căn cứ thực hiện.

2. Các trường hợp còn lại thì được hỗ trợ: 50.000.000 đồng/hộ.”

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Xem toàn văn tại (www.hatinh.gov.vn)

UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố.

Nguyên tắc phối hợp

- Việc phối hợp đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan và thực hiện đồng bộ, hiệu quả, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp thông tin, thực hiện báo cáo, cho ý kiến theo chuyên ngành, địa bàn quản lý và chịu trách nhiệm cụ thể theo chức năng quản lý của từng cơ quan, đơn vị liên quan, nội dung thông tin phải bảo đảm chính xác, đầy đủ và kịp thời.

- Đáp ứng yêu cầu giải quyết nhanh gọn thủ tục hành chính trong lĩnh vực vật liệu xây dựng,

tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu xây dựng

- Đảm bảo nguồn vật liệu xây dựng đa dạng, phong phú; đảm bảo việc phân bổ, sử dụng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng nhu cầu xây dựng công trình trên địa bàn thành phố, các tỉnh lân cận và xuất khẩu; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thành phố.

- Nghiêm cấm hành vi lợi dụng việc sử dụng thông tin, tài liệu, dữ liệu do cơ quan phối hợp cung cấp để vụ lợi hoặc phục vụ các mục đích bất hợp pháp khác.

Phương thức phối hợp

- Cơ quan chủ trì trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình tùy theo tính chất, nội dung

của công việc có thể áp dụng một trong các phương thức phối hợp: lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức cuộc họp; tổ chức đoàn khảo sát, điều tra; thanh tra, kiểm tra, tổ chức đoàn công tác liên ngành có liên quan hoặc thông tin trực tiếp (trong trường hợp cần thiết) đến Thủ trưởng cơ quan phối hợp để yêu cầu, đề nghị thực hiện nhiệm vụ có liên quan cần phối hợp; chịu trách nhiệm trước UBND thành phố và pháp luật về nội dung được giao chủ trì.

- Cơ quan phối hợp trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm:

+ Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, dữ liệu, ý kiến theo lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành liên quan đến công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng và các vấn đề có liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì. Việc cung cấp thông tin đảm bảo trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, trường hợp nội dung phối hợp theo yêu cầu bằng văn bản khẩn, hỏa tốc, công điện hoặc có thời hạn giao tại văn bản của cơ quan cấp trên thì phải thực hiện phối hợp ngay trước thời hạn yêu cầu của văn bản đó;

+ Cử cán bộ tham gia phối hợp kịp thời khi có yêu cầu và chịu mọi trách nhiệm theo nhiệm vụ phối hợp; khi phối hợp theo hình thức tổ chức cuộc họp hoặc lập đoàn khảo sát, đoàn công tác, điều tra liên ngành thì cơ quan phối hợp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND thành phố về nhiệm vụ, ý kiến của cán bộ được cử tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp nội dung công việc vượt quá thẩm quyền hoặc không có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chuyên môn của cơ quan, đơn vị được yêu cầu phối hợp thì cơ quan, đơn vị được yêu cầu phối hợp phải có văn bản phản hồi;

+ Quá thời hạn mà cơ quan liên quan không thực hiện nhiệm vụ phối hợp, thì cơ quan chủ trì quyết định việc thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc báo cáo UBND thành phố để chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phối hợp.

Nội dung phối hợp

- Phối hợp thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu xây dựng, các quy định về khuyến khích hoặc hạn chế đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch về lĩnh vực vật liệu xây dựng;

- Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- Thẩm định, đánh giá về công nghệ sản xuất, chất lượng vật liệu xây dựng; công nghệ chế biến, chất lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

- Kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp quản lý vật liệu xây dựng

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng theo chức năng nhiệm vụ và phân công của UBND thành phố; rà soát, trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định lập, điều chỉnh các quy hoạch liên quan tới lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các Quy hoạch tổng thể về vật liệu xây dựng, phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng của cả nước và thành phố.

- Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của UBND thành phố.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh, quản lý chất lượng, lưu thông sản

phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng và đưa vào các công trình xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và việc sử dụng vật liệu xây dựng tại các công trình đầu tư xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với các Sở, ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng và chỉ đạo Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác lập, triển khai các quy hoạch trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản, Quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan.

- Phối hợp với các Sở, ngành trong việc trao đổi thông tin về tình hình cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố; kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp vật liệu xây dựng: Xúc tiến thương mại, triển lãm hàng hóa và hội chợ về vật liệu xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường (trong và ngoài nước) tiêu thụ sản phẩm, tạo dựng môi trường cho doanh nghiệp phát triển.

4. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì thực hiện, kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông; lấn chiếm vỉa hè,

lòng lề đường, hành lang giao thông; gây bụi bẩn, mất mỹ quan đường phố, khu dân cư.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các quy định của pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất vật liệu không nung; dự án đầu tư xử lý, sử dụng phế thải của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất, nhà máy luyện kim để làm vật liệu xây dựng; Dự án đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng khác có tính năng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường vượt trội so với chủng loại vật liệu xây dựng cùng loại.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban quản lý Khu kinh tế trong công tác thẩm định về công nghệ, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc các dự án đầu tư về lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản khác có liên quan.

7. Sở Tài chính

- Bố trí vốn, nguồn kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ trong việc lập, thẩm định, phê duyệt các Quy hoạch lĩnh vực vật liệu xây dựng theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm; bố trí kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ trong việc tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng lưu thông trên địa bàn thành phố theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

8. Công an thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cục Hải quan thành phố, Quản lý thị trường và chính quyền các địa phương để kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác,

chế biến, tiêu thụ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố vi phạm quy định pháp luật.

- Chủ động phát hiện, điều tra, xác minh, xử lý nghiêm các hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trái phép, không phép; các hành vi gian lận thương mại, mua bán hóa

đơn chứng từ để hợp pháp hóa việc kinh doanh vật liệu xây dựng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

**Xem toàn văn tại
(www.haiphong.gov.vn)**

UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt đề cương nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 4770/QĐ-UBND phê duyệt đề cương nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu tổng quát

- Cụ thể hóa điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg và Kế hoạch số 144/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Định hướng quy hoạch phân vùng thu gom đối với các cơ sở xử lý CTR trọng điểm trên địa bàn tỉnh và đối với các khu xử lý quy mô nhỏ tại các địa phương; áp dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm đất, phù hợp thực tế địa phương.

- Tăng cường khả năng phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng và chất lượng xử lý CTR thông thường, CTR nguy hại, đặc thù khác (từ xây dựng, sản xuất nông nghiệp, hoạt động chăn nuôi, y tế...).

- Đề xuất chương trình, kế hoạch thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, góp phần bảo vệ môi trường đô thị, nông thôn toàn tỉnh. Nâng cao sức khỏe cộng đồng và các chi phí có liên

quan đến việc quản lý CTR trên địa bàn;

- Làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các dự án đã được đầu tư. Khuyến khích các thành phần kinh tế và huy động các nguồn lực tham gia đầu tư các công trình xử lý CTR và quản lý, thu gom, vận chuyển CTR trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- CTR nguy hại

+ 100% tổng lượng CTR nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 85% CTR nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- CTR sinh hoạt đô thị:

+ Đô thị loại I và 85% các đô thị còn lại có công trình tái chế CTR phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình;

+ 95% tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; tăng cường khả năng tái chế, tái sử dụng, phấn đấu tỷ lệ CTR sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ dưới 30% với lượng chất thải được thu gom.

+ Sử dụng 100% túi nilon thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị để thay thế túi nilon khó phân hủy.

+ 90-95% các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt tại các đô thị đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất.

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTR sinh hoạt phải đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- CTR sinh hoạt nông thôn

+ 85% lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tự xử lý, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 95% các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng đất;

+ Việc đầu tư xây dựng mới cơ sở xử lý CTR sinh hoạt đảm bảo tỷ lệ chôn lấp sau xử lý không quá 20%.

- CTR công nghiệp thông thường:

+ 100% tổng lượng CTR công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và làng nghề phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường;

+ 80% tổng lượng tro, xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy nhiệt điện sản xuất phân bón được tái chế, tái sử dụng và xử lý làm nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng, san lấp... đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- CTR đặc thù khác

+ 90% tổng lượng CTR xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, trong đó, 60% được tái sử dụng hoặc tái chế thành các sản phẩm, vật liệu tái chế bằng công nghệ phù hợp;

+ 100% bùn bể tự hoại thu gom của các đô thị được xử lý đảm bảo môi trường;

+ 80% chất thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm được thu gom, tái sử dụng, tái chế làm phân compost, biogas và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ 80% các phụ phẩm nông nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường;

+ 100% các bao bì đựng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

b) Đến năm 2050

- Tất cả các loại CTR phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, hạn chế khối lượng CTR phải chôn lấp đến mức thấp nhất.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại
(www.thanhhoa.gov.vn)**

Nghiệm thu đề tài do Hội Môi trường xây dựng Việt Nam thực hiện

Ngày 28/11/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài “Xây dựng phần mềm tính toán OTTV phù hợp với các điều kiện khí hậu Việt Nam phục vụ thiết kế lớp vỏ công trình đáp ứng các yêu cầu theo Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD” do Hội Môi trường xây dựng Việt Nam thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - nguyên Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt đề tài tại cuộc họp, thay mặt nhóm tác giả, Chủ nhiệm đề tài, GS.TS. Trần Ngọc Chấn cho biết, OTTV (chỉ số truyền nhiệt tổng) là đại lượng biểu thị cường độ dòng nhiệt truyền từ ngoài vào nhà qua $1m^2$ diện tích bề mặt của tường ngoài hoặc mái nhà bao gồm cả phần kết cấu bao che không trong suốt và cửa kính do chênh lệch nhiệt độ và bức xạ mặt trời, đơn vị tính là W/m^2 .

Do yêu cầu rút gọn, QCVN 09:2017/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả) không trình bày cách tính toán OTTV mà chỉ đưa ra bảng tra hệ số nhận biết bức xạ mặt trời SHGC của kính cửa sổ phụ thuộc vào tỷ số diện tích cửa sổ trên toàn bộ diện tích tường ngoài WWR nhằm đáp ứng yêu cầu về OTTV. Đây là phương pháp tính toán gần đúng, xem OTTV chỉ phụ thuộc vào hệ số SHGC của kính cửa sổ và tỷ số WWR là chủ yếu mà bỏ qua ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác. Do đó, Bộ Xây dựng đã giao nhiệm vụ cho Hội Môi trường xây dựng Việt Nam biên soạn tài liệu hướng dẫn và phần mềm tính toán OTTV nhằm bổ sung cho QCVN 09:2017/BXD.

Để tính toán OTTV cho một công trình xây dựng, trước tiên phải mô tả công trình để chương trình phần mềm có thể nhận dạng bằng cách kê khai mọi thông số kỹ thuật, thông số vật lý của



Toàn cảnh cuộc nghiệm thu

kết cấu bao che như: Tường không trong suốt, cửa kính, kết cấu che nắng, màu sơn bên ngoài, diện tích, hệ số dẫn nhiệt của các lớp vật liệu xây dựng, hệ số hấp thụ - xuyên thấu và phản xạ nhiệt của kính để tính SHGC của kính, hệ số giảm nhiệt bức xạ mặt trời của kết cấu che nắng... sau đó thao tác chạy chương trình với các bước chỉ dẫn hiển thị trên màn hình giao diện của phần mềm, gồm 5 bước: Mở giao diện phần mềm đã được cài đặt vào máy tính; mở dữ liệu; phân tích dữ liệu; in báo cáo; kết quả OTTV.

Theo GS.TS. Trần Ngọc Chấn, phần mềm này khi được áp dụng sẽ giúp kiến trúc sư dễ dàng lựa chọn các giải pháp kiến trúc xây dựng phù hợp như: Vật liệu và kết cấu tường, mái, cửa sổ, màu sơn tường, tỷ số WWR, loại kính có hệ số SHGC thích hợp... để đạt được giới hạn cho phép về OTTV, đồng thời giúp các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thẩm định việc tuân thủ QCVN 09:2017/BXD của các dự án trước khi cấp giấy phép xây dựng công trình.

Để hoàn chỉnh Báo cáo thuyết minh đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng nghiệm thu đã đóng góp nhiều ý kiến. Theo Hội đồng, Báo cáo thuyết minh được trình bày rõ ràng, logic, dễ hiểu, phần mềm thuận tiện cho người sử dụng, song nhóm tác giả cần chú ý chỉnh sửa trong thuyết minh một số bảng biểu, lỗi

đánh máy, sử dụng thống nhất thuật ngữ.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá, nhóm tác giả của Đề tài đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng, sản phẩm đề tài đảm bảo chất lượng, phẩm mềm dễ hiểu, khả năng áp dụng thực tế cao, có ý nghĩa quan trọng trong việc bổ sung cho QCVN 09:2017/BXD

Để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh, TS. Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu rà soát các thuật ngữ, đảm bảo thống nhất với quy định trong QCVN

09:2017/BXD, xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm, sớm hoàn thiện Báo cáo thuyết minh, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu đề tài “Xây dựng phần mềm tính toán OTTV phù hợp với các điều kiện khí hậu Việt Nam phục vụ thiết kế lớp vỏ công trình đáp ứng các yêu cầu theo QCVN 09:2017/BXD”, với kết quả đạt loại Khá./.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện

Ngày 28/11/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Xây dựng giáo trình phục vụ huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng” (Dự án) do Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng) Phạm Bá Hùng chủ trì cuộc họp.

Trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt Dự án, Phó Chủ nhiệm Dự án Ngô Lâm cho biết, cùng với sự phát triển và hội nhập mạnh mẽ của đất nước, các công trình xây dựng ngày càng được đầu tư phát triển ở khắp các đô thị, các vùng miền toàn quốc, với kết cấu, quy mô ngày càng đa dạng, phức tạp. Do đó, việc sử dụng máy móc, thiết bị thi công xây dựng phục vụ những công trình quy mô lớn cũng được áp dụng ngày càng nhiều.

Bên cạnh hiệu quả từ việc sử dụng các phương tiện máy móc, thiết bị xây dựng mang lại, việc duy trì tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị nhằm đảm bảo ổn định, an toàn là một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của

các cơ quan quản lý nhà nước và cả xã hội. Trong khi đó, năng lực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của các tổ chức kiểm định, kiểm định viên đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng còn yếu là do các quy trình kỹ thuật và tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu xã hội. Do đó, việc thực hiện Dự án là đặc biệt cần thiết.

Mục tiêu của Dự án nhằm xây dựng giáo trình phục vụ huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Đối tượng phục vụ bao gồm: Kiểm định viên hoạt động trong lĩnh vực kiểm định an toàn lao động đối với các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng; các tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

Nhóm nghiên cứu đã áp dụng các phương pháp điều tra, khảo sát, tổng hợp và phân tích các thông tin, tài liệu liên quan, đồng thời đánh

giá thực trạng công tác huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng; tổ chức hội thảo khoa học để tổng hợp ý kiến của chuyên gia, các Sở Xây dựng địa phương, doanh nghiệp.

Sản phẩm của Dự án đã được hoàn thành là Báo cáo tổng kết Dự án và 08 bộ giáo trình phục vụ công tác huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

Theo ông Ngô Lâm, sau khi hoàn thành biên soạn các bộ giáo trình trong khuôn khổ Dự án, Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã tổ chức 4 khóa đào tạo, tập huấn cho hơn 200 kiểm định viên. Kết thúc các khóa tập huấn, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp ý kiến phản hồi từ chính các học viên và tổ chức kiểm định có học viên tham gia để có cơ sở thực tế đánh giá hiệu quả Dự án. Kết quả, hầu hết các học viên và tổ chức kiểm định đều đánh giá cao chất lượng các bài giảng và hiệu quả của chương trình tập huấn, đào tạo theo giáo trình của Dự án.

Tại cuộc họp, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý về chuyên môn, để nhóm nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện các sản phẩm của Dự án. Các thành viên Hội đồng nhất trí với sự cần thiết phải thực hiện Dự án, đồng thời đánh giá cao sự nỗ lực, sự nghiêm túc của nhóm nghiên cứu trong việc khảo sát thực tế, thu thập, phân tích thông tin, số liệu phục vụ Dự án.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Phạm Bá Hùng đánh giá, nhóm tác giả Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã dành nhiều thời gian, công sức khảo sát thực tế,



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

thu thập, tổng hợp thông tin, hoàn thành Dự án theo đúng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Các sản phẩm của Dự án đầy đủ, bố cục chặt chẽ, hợp logic, hài hòa giữa lý thuyết và thực hành.

Chủ tịch Hội đồng Phạm Bá Hùng đánh giá cao việc Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã tổ chức các khóa tập huấn cho các kiểm định viên thuộc các tổ chức kiểm định trên cơ sở bộ giáo trình - sản phẩm của Dự án.

Để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh, Chủ tịch Hội đồng Phạm Bá Hùng đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến góp ý của chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, chỉnh sửa các lỗi đánh máy, quy định rõ hơn những điều kiện cần thiết đối với các học viên tham gia khóa học, sớm hoàn thiện Báo cáo, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Xây dựng giáo trình phục vụ huấn luyện, bồi dưỡng, sát hạch nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng”, với kết quả đạt loại Xuất sắc./.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu ứng dụng cọc xi măng - tro bay - cốt liệu CFG để xử lý nền móng công trình xây dựng tại Việt Nam”

Ngày 6/12/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Đề tài khoa học “Nghiên cứu ứng dụng cọc xi măng - tro bay - cốt liệu CFG để xử lý nền móng công trình xây dựng tại Việt Nam” (đề tài) do trường Đại học Xây dựng Hà Nội thực hiện. PGS.TS. Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trình bày tóm tắt Báo cáo thuyết minh của Đề tài, thay mặt nhóm tác giả, Chủ nhiệm Đề tài, PGS.TS. Bùi Phú Doanh cho biết, cọc CFG là cọc bê tông nghèo được tạo thành khi phối trộn xi măng, tro bay, đá, cát, sỏi với nước. Phương pháp này do Viện Nền móng thuộc Học viện Nghiên cứu công trình Trung Quốc nghiên cứu sáng chế vào năm 1985. Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu sử dụng phụ gia tro bay trong hỗn hợp bê tông xi măng cường độ thấp, nghiên cứu sự phát triển cường độ khi thay đổi tỷ lệ tro bay, xác lập tương quan giữa cường độ mẫu bê tông khi phối trộn tro bay với các tỷ lệ khác nhau, ứng dụng bước đầu trong xử lý nền bằng cọc CFG.

Bên cạnh đó, đề tài còn nghiên cứu tổng quan về sử dụng cọc CFG trên thế giới và Việt Nam, làm rõ mô hình lý thuyết, cơ chế phá hoại và điều kiện ứng dụng cho các loại công trình, thí nghiệm hiện trường, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công và nghiệm thu cho giải pháp xử lý nền bằng cọc CFG.

Theo PGS.TS. Bùi Phú Doanh, hiện nay trên thế giới, Mỹ và các nước châu Âu đã ứng dụng tro bay trong bê tông xây dựng đập ngăn nước, các nhà máy điện, công trình biển, đường cao tốc, sân bay, các tòa nhà thương mại, cầu đường giao thông. Trong khi đó, Trung Quốc sử dụng phụ gia tro bay trong bê tông xử lý nền



PGS.TS. Vũ Ngọc Anh phát biểu kết luận cuộc họp

móng, xây dựng đường giao thông, xây dựng cảng, san lấp mỏ, chất gia cường cho cao su. Ấn Độ sử dụng tro bay trong sản xuất gạch xây, gạch ốp lát và các khối rỗng trong xây dựng, xây dựng kè, san lấp hầm mỏ...

Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát hỗn hợp bê tông xi măng tro bay sử dụng tro bay của 3 đơn vị khác nhau, gồm: Đạm Ninh Bình, Nhiệt điện Nghi Sơn, Nhiệt điện Phả Lại, khảo sát các cấp phối với tỷ lệ tro bay tham gia hỗn hợp khác nhau, từ đó đề tài lựa chọn tỷ lệ tro bay trong hỗn hợp đảm bảo chất lượng sử dụng cho các cọc CFG. Địa điểm tiến hành thực nghiệm ở tỉnh Hà Nam, tại khu vực có nền đất sét mềm, gần công trường để thuận tiện cho các hoạt động vận chuyển, cung ứng vật liệu, trang thiết bị, máy móc tiến hành thực nghiệm. Xi măng được sử dụng là xi măng PC40. Sau thời gian quan trắc, trong phạm vi thời hạn của đề tài, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp, phân tích và so sánh các số liệu thu được, xây dựng và hoàn thành Báo cáo đề tài.

Theo đánh giá của các chuyên gia của Hội đồng nghiệm thu, Báo cáo thuyết minh đề tài được trình bày rõ ràng, logic, dễ hiểu, song cần

chỉnh sửa một số hình ảnh, lỗi đánh máy, sử dụng thống nhất ký hiệu, thuật ngữ. Hội đồng cũng đặt ra một số vấn đề liên quan đến việc xác định mũ cọc, khoảng cách giữa các cọc CFG để nhóm tác giả giải trình rõ hơn. Ngoài ra, việc so sánh độ lún của nền giữa các vị trí: Vị trí của cọc CFG và vị trí nền đất nằm giữa các điểm cọc cũng được các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng đề nghị nhóm nghiên cứu cần quan tâm trong thời gian lâu hơn để có kết luận chính xác và thuyết phục hơn.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đánh giá cao sự cần thiết, ý nghĩa thực tiễn của đề tài trong việc góp phần xử lý tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện than, đồng thời đánh giá nhóm nghiên cứu đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo hợp đồng, đảm bảo chất lượng.

Để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết

minh đề tài, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đề nghị nhóm nghiên cứu nêu rõ yêu cầu kỹ thuật đầu vào của tro bay, khuyến cáo chiều dài phù hợp của cọc CFG, rà soát toàn bộ Báo cáo, chỉ dẫn kỹ thuật nhằm đảm bảo các thuật ngữ được sử dụng thống nhất, chỉnh sửa các lỗi đánh máy, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện Báo cáo, chỉ dẫn kỹ thuật, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu ứng dụng cọc xi măng - tro bay - cốt liệu CFG để xử lý nền móng công trình xây dựng tại Việt Nam”, với kết quả đạt loại Khá./.

Trần Đình Hà

Hội thảo "Đề án nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025"

Ngày 26/11 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện Đề án "Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025" (Đề án) để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ông Phạm Văn Bắc - Vụ trưởng Vụ Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng) điều hành buổi Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ, ngành Trung ương; UBND các tỉnh, thành phố duyên hải; các Hội, hiệp hội chuyên ngành Xây dựng; các chuyên gia, nhà khoa học đến từ các trường đại học, các viện nghiên cứu chuyên ngành xây dựng và vật liệu xây dựng.

Báo cáo tóm tắt thuyết minh Đề án, ông Lương Văn Hùng - Chủ nhiệm Đề án cho biết, việc nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng sử dụng cho các công trình ven biển và hải đảo là hết sức cần thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển



Chủ nhiệm Đề án Lương Văn Hùng báo cáo tại Hội thảo

kinh tế xã hội và an ninh - quốc phòng. Đề án được xây dựng nhằm cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết của Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mục tiêu của Đề án nhằm tập trung các nguồn lực cho việc nghiên cứu khoa học công



Toàn cảnh Hội thảo

nghe; định hướng phát triển một số loại sản phẩm vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng đặc chủng sử dụng cho các công trình ven biển và hải đảo nơi có môi trường xâm thực và ăn mòn mạnh; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu công nghệ, sản xuất VLXD phục vụ công trình biển, đảo; hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật về sử dụng VLXD cho các công trình ven biển và hải đảo.

Theo đó, phạm vi chủng loại VLXD nghiên cứu của Đề án bao gồm: Vật liệu cho bê tông và bê tông cốt thép (chất kết dính chịu mặn, các loại bê tông, cấu kiện bê tông chịu xâm thực, kết cấu thép dùng trong môi trường biển đảo); vật liệu xây và lợp cho công trình biển, đảo (gạch bê tông cốt liệu, tôn lợp, ngói lợp, tấm composite chịu đựng môi trường biển đảo; vật

liệu san lấp, mở rộng, cải tạo các vùng biển, đảo (cát, đá xây dựng, chất thải công nghiệp tro, xỉ, thạch cao); vật liệu trang trí (kính xây dựng, kính an toàn, gạch ốp lát, sơn); các loại vật liệu, phụ gia, cấu kiện xây dựng thích ứng môi trường biển đảo.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã đóng góp nhiều ý kiến cho dự thảo Đề án. Theo đó, các đại biểu đều nhất trí sự cần thiết phải xây dựng Đề án và cơ bản thống nhất với nội dung của dự thảo Đề án. Bên cạnh đó, đại diện các Bộ, ngành, địa phương cũng đề nghị Ban chủ nhiệm dự án giải trình thêm cơ sở khoa học và thực tiễn để đảm bảo tính khả thi của Đề án, bao gồm các vấn đề liên quan đến tuổi thọ công trình, các mục tiêu cụ thể cần đạt được, lộ trình hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật; cơ sở dữ liệu về các đề tài, dự án, kết quả nghiên cứu khoa học liên quan; các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ, khuyến khích người sử dụng; phân công nhiệm vụ các Bộ, ngành, địa phương...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Vụ trưởng Vụ VLXD Phạm Văn Bắc đã giải trình và làm rõ thêm một số nội dung mà các đại biểu có ý kiến, đồng thời đề nghị Ban chủ nhiệm Đề án nghiên cứu, tiếp thu để cập nhật vào báo cáo thuyết minh Đề án./.

Minh Tuấn

Bê tông cốt sợi thép cho ngành công nghiệp hạt nhân

Trong thực tiễn xây dựng, các kết cấu bê tông cốt sợi thép ngày càng được sử dụng phổ biến trong các dự án xây dựng cầu, hầm, các công trình độc đáo có mức độ phức tạp cao, các công trình trong lĩnh vực điện hạt nhân.

Bê tông cốt sợi thép là một dạng của bê tông cốt thép phân tán, được chế tạo từ bê tông, có các sợi thép làm cốt được phân bố đều theo khối tích bê tông. Tính công tác phối hợp của bê tông và sợi thép được đảm bảo bởi lực bám dính

của bê tông với bề mặt sợi và cốt thép có gờ.

Bê tông cốt sợi thép có nhiều ưu điểm về kỹ thuật so với bê tông truyền thống: Giảm từ biến và co ngót, cải thiện tính kháng băng giá, nâng cao đặc tính chống thấm, độ bền nứt, độ bền va đập, độ nhót, kháng ăn mòn. Ngoài ra, bê tông cốt sợi thép còn cho phép áp dụng các giải pháp kết cấu hiệu quả hơn khi thiết kế và chế tạo các kết cấu thành mỏng. Trong khi đó, các quy trình công nghệ cơ bản để chế tạo bê tông

cốt sợi thép vẫn không thay đổi.

Bên cạnh đó, còn có một số đặc điểm công nghệ của vật liệu có cốt phân tán đòi hỏi sự tuân thủ vô điều kiện trong tất cả các công đoạn sản xuất loại vật liệu này (từ khâu định lượng tới đổ bê tông). Nguyên nhân căn bản của những vướng mắc (về công nghệ) trong sản xuất bê tông cốt sợi thép là đảm bảo các chỉ số tối ưu về tính đồng nhất khi phân bố sợi thép trong bê tông. Việc dự báo chỉ số này trực tiếp phụ thuộc vào chủng loại và khối lượng sợi được sử dụng, vào thành phần xi măng trong bê tông và các chỉ số về tính công tác của bê tông cũng như phương pháp định lượng thành phần của cốt phân tán.

Bê tông cốt sợi thép cường độ cao là một bước đột phá trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nói chung và bê tông nói riêng. Vật liệu cải tiến này sẽ làm thay đổi quan điểm và triết lý thiết kế bê tông. Sản phẩm có tiềm năng ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực xây dựng: Thay thế các mặt sàn cầu cũ bị hư hỏng; làm mặt cầu lắp ghép kết hợp với dầm bê tông dự ứng lực, qua đó có thể đẩy nhanh tiến độ thi công và kéo dài tuổi thọ công trình; làm cột, sàn của các cao ốc; làm mặt đường cao tốc, mặt đường băng sân bay; sử dụng trong các công trình đê điều, đập thủy lợi, trong các môi trường có mức độ xâm thực lớn như các lò phản ứng hạt nhân...

Vật liệu cải tiến cho thấy sự kết hợp tuyệt vời của nguyên liệu và hiệu quả sử dụng để tạo ra sản phẩm với các đặc tính nổi trội: Cường độ nén rất cao - có thể đạt tới 200Mpa; tính dẻo; khả năng hỗ trợ sức chịu tải căng ngay cả sau khi xuất hiện vết nứt; siêu bền; tính đồng nhất của nguyên liệu trong hỗn hợp rất cao; chất

lượng bề mặt rất cao, tăng cường sức căng bề mặt; cường độ chịu kéo khi uốn tăng mạnh tới 40Mpa; khả năng kháng axit cao; khả năng chịu mài mòn, chịu va đập và chịu lửa cao; giảm thiểu hàm lượng cốt thép thông thường trong các kết cấu công trình; giảm tối đa từ biến và co ngót của kết cấu trong quá trình bê tông đóng rắn.

Đầu năm 2018, Công ty cổ phần "Industrial Region" - nhà sản xuất bê tông hàng đầu của Nga nhận được những đơn hàng đầu tiên từ các tổ hợp năng lượng nguyên tử về việc chế tạo các sản phẩm tấm mỏng, kích cỡ lớn, bằng bê tông cốt sợi thép cường độ cao. Do có phòng thí nghiệm riêng, với các thiết bị thử nghiệm hiện đại, nên tháng 5/2018, Công ty ký hợp đồng cung cấp các sản phẩm tấm bê tông cốt sợi thép phục vụ xây dựng hạng mục 10UBA trong dự án xây dựng nhà máy điện nguyên tử Kursk-2.

Thực hiện hợp đồng này, Công ty "Industrial Region" cung cấp các ván khuôn đặc biệt bằng bê tông cốt sợi thép cường độ cao với các yêu cầu chất lượng bề mặt rất cao. Kích thước các tấm là 4,6 x 2,14m (có thể nâng lên tới 4,6 x 7,2m) và độ dày là 30mm. Các yêu cầu cơ bản đối với sản phẩm tuân thủ tiêu chuẩn trong nước, các yêu cầu cao về đặc tính cơ lý và tính năng sử dụng của các tấm bê tông cốt sợi thép cường độ cao cũng được thiết lập.

Phân tích các yêu cầu cơ bản đã giúp xác định trước định hướng nghiên cứu chủ đạo. Khi chú ý đến độ mỏng, diện tích lớn và các yêu cầu cao về chất lượng bề mặt của sản phẩm, trong việc lựa chọn loại vữa bê tông cho cấp phối cần chú trọng bê tông tự lèn hạt mịn cường độ cao.

Bảng 1: Các tính chất cơ lý của tấm bê tông cốt sợi thép cường độ cao

Các tính chất cơ lý	Đơn vị	Giá trị
Độ bền nén dọc trục, không nhỏ hơn	MPa	900
Độ bền kéo dọc trục, không nhỏ hơn	MPa	8
Độ bền uốn, không nhỏ hơn	MPa	25
Độ bền thấm (nước)		W14

Độ bền bằng giá		F600
Module biến dạng khi uốn, không nhỏ hơn	MPa	42000
Trọng lượng riêng ở trạng thái khô, không nhỏ hơn	g/cm ³	2,3

Trong thời gian rất ngắn, các kỹ sư, kỹ thuật viên của công ty đã cùng chuyên gia của Tập đoàn Sika (nhà cung cấp phụ gia hóa học Thụy Sĩ) đã nghiên cứu và tiến hành các thí nghiệm trong phòng nhằm kiểm định thành phần cấp phối bê tông hạt mịn cường độ cao.

Các vật liệu sau được sử dụng làm nguyên liệu bao gồm: xi măng PC 500-D0-N, cát thạch

anh thô có kích cỡ hạt lớn hơn 2,5 và hàm lượng sét hòa tan dưới 1%, micro silica MK-85 (muội silic) và bột khoáng không hoạt tính MP-1 được sử dụng; phụ gia siêu hóa dẻo với thành phần hơn 40% là polycarboxylate. Để làm chất phụ gia cải thiện bề mặt, các chuyên gia đã dùng phụ gia khử bọt, tỷ lệ nước/chất kết dính là 0,29.

Bảng 2: Các đặc tính sử dụng của tấm bê tông cốt sợi thép cường độ cao

Các tính chất cơ lý	Đơn vị	Giá trị
Dung sai kích thước hình học: - Chiều dài, chiều rộng, - Bề dày	mm	+0, -3 -0, +3
Độ lệch xiên	mm	5
Độ lồi lõm bề mặt trên cơ sở thước đo 2 mét	mm	2
Độ lệch trục của vị trí các lỗ khoan cho các vít và chi tiết khác	mm	+/-1
Độ nhám bề mặt	mm	-3
Tuổi thọ của sản phẩm	năm	100

Các thí nghiệm trong phòng và sản xuất thử nghiệm đã giúp cho việc xác định cấp phối bê tông cường độ cao, có tính đến yêu cầu về tiến độ sản xuất, đồng thời đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn cụ thể. Các tiêu chuẩn cơ sở cũng đã chuẩn hóa việc sử dụng các vật liệu để sản xuất các tấm bê tông cốt sợi thép cường độ cao. Đặc biệt, giới hạn về chủng loại và kích cỡ sợi thép được áp dụng - sợi thép mạ đồng có đường kính 0,3 mm và dài 30 mm, thẳng hoặc cong.

Kinh nghiệm sử dụng các sợi thép có đường kính và độ dài khác nhau cho thấy tính công nghệ của loại sợi này không cao, và ở mức độ đáng kể sẽ hình thành các các bụi rối. Vì vậy,

nhà sản xuất sợi thép (nhà máy luyện kim Belarus) khuyến cáo tỷ trọng cốt sợi thép không nên vượt quá 0,5% khối lượng bê tông.

Các thí nghiệm trong phòng cho thấy lượng sợi như vậy chưa đủ để tạo thành bê tông cốt sợi thép siêu cường với các thông số đã cho. Để đảm bảo các đặc tính tiêu chuẩn của bê tông về độ bền kéo, uốn, cần sử dụng 140 -170 kg cốt sợi thép cho mỗi m³ bê tông. Đồng thời, để đảm bảo sự phân bố đồng đều của sợi và ngăn chặn sự hình thành các bụi rối, thời gian để cho lượng sợi nói trên vào bê tông cần tối thiểu 2 phút.

Các thử nghiệm sản xuất được tiến hành trong máy trộn bê tông Wiggert. Các yêu cầu

cao đối với bề mặt của tấm bê tông cốt sợi thép cường độ cao đã đặt ra những hạn chế nhất định về việc lựa chọn các loại thiết bị. Sau khi nghiên cứu kinh nghiệm của hầu hết các nhà sản xuất giá kim loại của nước ngoài, các bản đúc bằng bê tông có lớp phủ polymer đã được lựa chọn. Kết quả là các tấm bê tông có được một bề mặt nhẵn bóng, hoàn toàn không có bọt và lỗ rỗng.

Kinh nghiệm trong việc thực hiện hợp đồng đầu tiên cho phép công ty Industrial Region gia

tăng tiềm lực khoa học và đa dạng hóa sản phẩm, hoàn thiện các dây chuyền sản xuất hiện có để có thể chế tạo các sản phẩm mới chất lượng tốt hơn./.

S.Raspopov

Kỹ sư trưởng nhà máy Industrial Region

Nguồn: Tạp chí Công nghệ bê tông (Nga)

tháng 9-10/2018

ND: Lê Minh

Công nghệ in 3D trong xây dựng của Hà Lan

Thành phố Eindhoven (Hà Lan) sắp tới sẽ có một ngôi nhà thương mại đầu tiên được in bằng máy in 3D, với vật liệu in là xi măng, việc xây dựng sẽ bắt đầu trong quý III năm nay. Đây sẽ là ngôi nhà một tầng, 3 phòng ở, tổng diện tích 95m². Dự kiến, giữa năm 2019, ngôi nhà sẽ hoàn thành và đón người vào ở. Sau đó, các nhà xây dựng sẽ tiếp tục thực hiện 05 năm ngôi nhà nhiều tầng cũng bằng công nghệ in 3D. Tất cả các ngôi nhà sẽ có hình dạng bất thường, gần như không có các góc vuông. Hình dạng của các ngôi nhà hòa hợp một cách hữu cơ với cảnh quan xung quanh, đồng thời cũng là một dạng thử nghiệm các công nghệ in 3D. Sau khi hoàn thành, những ngôi nhà sẽ được một công ty bất động sản lớn bao thầu và được bán trên thị trường tự do.

Đây là dự án hợp tác giữa Văn phòng kiến trúc địa phương Houben & Van Mierlo Architecten và trường Đại học Công nghệ Eindhoven. Các kết cấu của ngôi nhà đầu tiên sẽ được in tại trường đại học và chuyển tới địa điểm thi công. Những ngôi nhà tiếp theo đã được lên kế hoạch để chuyển toàn bộ quy trình thi công tới địa điểm đã chọn, và ngôi nhà thứ năm sẽ được “in” toàn bộ trong rừng.

Đây không phải là thử nghiệm đầu tiên với công nghệ in 3D được các chuyên gia của Đại học Công nghệ Eindhoven thực hiện. Năm



Những ngôi nhà in bằng xi măng

ngoài, tại thành phố Gemerte cách đó không xa, cây cầu bê tông dành cho xe đạp đầu tiên trên thế giới được xây dựng bằng công nghệ in 3D, đã được khánh thành với sự chứng kiến của nhiều quan chức địa phương và Chính phủ. Việc in chiếc cầu này (khoảng 800 lớp) kéo dài trong ba tháng. Cầu bằng bê tông có cốt. Theo các nhà khoa học của Đại học Công nghệ Eindhoven, một trong những ưu điểm của việc in cầu là lượng bê tông tiêu hao ít hơn nhiều so với các công nghệ xây dựng thông thường. Máy in chỉ phun bê tông đúng lượng cần thiết, và đúng vị trí cần thiết.

Đầu năm 2018 tại Thủ đô Amsterdam, cầu đi bộ bằng kim loại đầu tiên trên thế giới đã được in xong, với chiều dài 12m. Cầu được lắp dựng tại quận Oudezijds Achterburgwal, lễ khánh



Cầu đi xe đạp đầu tiên trên thế giới được in bằng bê tông



Cầu đi bộ đầu tiên trên thế giới được in bằng kim loại

thành chính thức được tổ chức vào tháng 10, nhân Tuần lễ Thiết kế Hà Lan. Khi in chiếc cầu này, các robot công nghiệp đã được sử dụng, mỗi robot được trang bị thiết bị in 3D có khả năng sử dụng kim loại, nhựa và vật liệu composite làm vật liệu in với hầu hết mọi định dạng. Các robot đã được sử dụng để "kéo" kết cấu lên không trung từ những lớp thép nóng chảy.

Công ty kỹ thuật Arup và các nhà nghiên cứu từ Imperial College London cần thực hiện thêm một số thử nghiệm chất tải để chứng minh tính toàn vẹn cấu trúc của cây cầu vừa được in bên trong một nhà kho ở bến cảng cũ. Các thử nghiệm chất tải không chính thức đầu tiên đã được thực hiện trong buổi dạ tiệc dành riêng cho sự kiện này, những người tham gia đều cho rằng "cảm giác đi rất thoải mái và an toàn". Để thử nghiệm thêm, dọc theo thân cầu, các cảm biến sẽ được cài đặt, hiển thị các dữ liệu như điện áp, chuyển vị và rung chấn, cùng với các

yếu tố môi trường, bao gồm cả chất lượng không khí và nhiệt độ ngoài trời. Trong một khoảng thời gian nhất định, cảm biến còn cho biết số lượng người đi qua cầu, vận tốc của người đi trên cầu. Thông tin này sẽ được nhập vào mô hình số của cầu (các dữ liệu được thu thập trong thời gian thực). Trong tương lai, điều này sẽ cho phép nghiên cứu công nghệ in nối các cầu bằng kim loại.

Hiện nay, công nghệ in 3D có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau và sử dụng các vật liệu khác nhau, nhưng cốt lõi của bất cứ công nghệ in 3D nào cũng là nguyên tắc xếp lớp (đắp dần) một vật thể cứng./.

Oksana Samborskaya

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 25

(ngày 29/7/2018)

ND: Lê Minh

Liên bang Nga đẩy mạnh xây dựng đường bê tông xi măng

Xây dựng đường bê tông xi măng tại Nga hiện nay đang trở thành nhiệm vụ đặc biệt cấp thiết, khi Chính phủ Nga đã xác định nhiệm vụ chiến lược - tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình giao thông đường bộ lên gấp đôi, đồng thời giảm chi phí xây dựng, sửa chữa và bảo trì. Một trong những phương án khả thi để đạt được mục

tiêu này là sử dụng mặt đường bê tông xi măng.

Vì sao cho tới nay, đường bê tông xi măng không phát triển tại Nga? Để hiểu sâu hơn vấn đề này, cần ngược dòng lịch sử.

Tại Đức, Mỹ, từ trước Chiến tranh thế giới II, đường ô tô với mặt đường bê tông xi măng đã được xây dựng rất tích cực. Tại Liên Xô, những

tuyến đường đầu tiên như vậy chỉ xuất hiện vào những năm 50 thế kỷ XX. Đây cũng là thời kỳ thịnh hành các máy rải đường sản xuất trong nước D181, D182, D195 chạy trên ray.

Từ năm 1970, Liên Xô bắt đầu xây hàng loạt đường bê tông xi măng có ứng dụng công nghệ mới - máy ván khuôn trượt bánh xích. Tổ hợp các thiết bị rải bê tông năng suất cao đã được nhập khẩu từ Mỹ. Các thiết bị này chính là cơ sở để sản xuất các thiết bị nội địa D100, D110 của nhà máy Bryansk. Theo công nghệ cải tiến thời kỳ này, các tuyến đường bê tông xi măng Moskva-Volgograd, Omsk-Novosibirsk, Sverdlovsk (hiện nay là Ekaterinburg) - Chelyabinsk, Sverdlovsk-Serov và nhiều tuyến khác đã được xây dựng.

Vào thời điểm đó, tổng chiều dài các tuyến đường bê tông xi măng của Liên Xô khoảng hơn 10 nghìn km. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, nhiều khiếm khuyết đã bộc lộ - các vết nứt mở rộng tại các mối nối ngang, bong tróc, lớp bề mặt bê tông bị vỡ, sụt mẻ. Nguyên nhân đã được phân tích khá nhiều, song về căn bản, Liên Xô chưa thật sự sẵn sàng cho việc làm đường bê tông xi măng. Thiếu xi măng chất lượng cao, thiếu phụ gia cuốn khí và phụ gia hóa dẻo hiệu quả, hệ thống tiêu chuẩn GOST, các tiêu chuẩn kiểm tra kỹ thuật chưa đồng bộ. Chính vì thế, lớp mặt đường hầu hết đã trở nên không phù hợp để sử dụng chỉ sau một năm.

Khi mặt đường bê tông xi măng bắt đầu bị hư hỏng trên diện rộng bởi vật liệu kém chất lượng và việc thiếu công nghệ, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành sắc lệnh “dừng” việc xây dựng các loại đường này ở Liên Xô. Từ năm 1980, việc xây dựng gặp khủng hoảng, số lượng dự án giảm mạnh, nhiều nghiên cứu khoa học đã bị dừng. Các văn bản tiêu chuẩn trong lĩnh vực này đã không được cập nhật trong hơn 30 năm qua. Vào thời điểm đó xuất hiện một định kiến sai lầm rằng Nga không thể xây dựng đường bê tông xi măng chất lượng cao, và đường bê tông xi măng đắt hơn nhiều so với bê

tông nhựa. Các nhà thầu lớn hầu hết bị phá sản, nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm của Liên Xô cũ đã ra nước ngoài làm việc. Vào những năm 1980, rất nhiều chuyên gia của Tổng cục Xây dựng đường bộ đã sang Ấn Độ làm việc, giúp đất nước này xây hơn 500 km đường bê tông xi măng chất lượng cao.

Thời gian trôi qua, công nghệ xây dựng đường bê tông xi măng đã thay đổi mạnh mẽ. Hiện nay, nhiều công nghệ mới đã được áp dụng, trong đó tất cả các quy trình rải đổ và đầm nén, hình thành các khe co giãn đã được tự động hóa và cơ giới hóa toàn bộ. Các thiết bị rải bê tông hiện đại chỉ một lần di chuyển có thể thực hiện tổ hợp các công việc, tạo một lớp mặt đường hoàn chỉnh. Một điều quan trọng nữa là ngày nay vật liệu chất lượng cao không còn khan hiếm. Một thế hệ bê tông cường độ cao mới đã được nghiên cứu chế tạo.

Các chuyên gia đã chứng minh, giá thành của mặt đường bê tông xi măng gần như tương đương giá thành mặt đường bê tông nhựa. Trước đây, độ dày lớp bê tông xi măng tối thiểu là 20 cm, còn lớp phủ bê tông nhựa có độ dày khoảng 5 cm được rải trên nền đá dăm nghiền dày 20 cm. Trong trường hợp này, bê tông nhựa rẻ hơn. Tuy nhiên, bây giờ khi tải trọng trên nền đường tăng cao, tổng bề dày các lớp nhựa đường từ 24 -26 cm, trong khi các lớp bê tông xi măng từ 22 - 24 cm, nghĩa là gần như ngang nhau.

Ưu điểm chính của bê tông xi măng là thời hạn phục vụ không cần sửa chữa. Nếu đường có lớp phủ bê tông nhựa cần được sửa chữa sau 2-3 năm, thì bê tông xi măng sau 26-30 năm. Mỹ đã chuyển sang thiết kế các lớp phủ siêu bền có thời hạn phục vụ tới 50 năm. Ngoài ra, quan niệm về sự không thuận lợi để sửa chữa của mặt đường bê tông xi măng hoàn toàn không có căn cứ.

Theo ông Vitaly Bogachenko (chuyên gia công ty Lafarge Holcim Nga): Đường bê tông xi măng rất phổ biến và có tuổi thọ cao trong vận hành khai thác. Lớp phủ bê tông xi măng toàn

khối hiện nay bằng phẳng và cứng chắc, có vòng đời dài gấp ba lần so với bê tông nhựa. Những ưu điểm nổi bật của lớp phủ bê tông xi măng: Thời hạn phục vụ đáng kể (trên 25 năm, nền đường không bị võng), hầu như không chịu tác động do dao động nhiệt độ, giảm năng lượng tiêu thụ, nâng cao mức an toàn giao thông nhờ các thuộc tính phản xạ ánh sáng cao. Điều quan trọng cần lưu ý là giá thành xây lớp phủ bê tông xi măng có thể bằng 95 - 130% giá thành lớp phủ bê tông nhựa.

Còn theo ông Yuri Zhukov (chuyên gia Tổng cục Xây dựng đường bộ): Hao mòn, hình thành vết lún bánh xe khi lưu lượng giao thông lớn là một trong những vấn đề nghiêm trọng của đường ô tô. Một trong các giải pháp có thể là rải bê tông xi măng hai lớp, bê tông tươi hết lớp này đến lớp khác. Trong trường hợp này, lớp phía trên là bê tông chất lượng cao hơn được rải trên lớp bê tông mác thấp hơn. Công việc này được thực hiện bởi tổ hợp thiết bị gồm 2 máy rải bê tông riêng biệt hoặc một máy chuyên dụng. Nếu áp dụng công nghệ này, khả năng chống mài mòn của mặt đường sẽ được cải thiện đáng kể, và chi phí vật liệu giảm bớt. Hiện nay, số lượng đường có lớp phủ bê tông xi măng ở Nga còn khiêm tốn. Và nếu một chương trình quy mô toàn liên bang nhằm xây dựng các đường cao tốc bê tông xi măng được thông qua, thì một vấn đề cần giải quyết cấp bách là các giáo trình đào

tạo xây đường bê tông xi măng hầu như không còn, và không còn nhiều chuyên gia trong lĩnh vực này. Ngoài ra, để xây lớp phủ hai lớp sẽ cần một thiết bị đặc dụng công nghệ cao mới.

Hiện tại, nước Nga đang có nhu cầu lớn về xây dựng đường bê tông xi măng. Hiệp hội Đường bê tông Nga đã được thành lập nhằm thúc đẩy nhu cầu ứng dụng đại trà bê tông xi măng trong lĩnh vực xây dựng đường bộ của Nga, khắc phục dần các khoảng trống hiện hữu trong hệ thống tiêu chuẩn xây dựng. Vấn đề là trong tất cả các dự án xây dựng và tái thiết đường bộ cần đưa ra được so sánh về mặt kinh tế giữa các phương án khác nhau. Và nếu việc tính toán có tính tới chi phí khấu hao, bê tông xi măng sẽ hiệu quả hơn. Vấn đề quan trọng nữa là hiện nay tiền đề công nghệ đã có, nhu cầu của xã hội về việc giảm chi phí xây dựng và sửa chữa, tăng thời hạn phục vụ của các lớp phủ đường đã được định hình. Nếu có đơn đặt hàng, các tổ hợp thiết bị rải mặt đường do Nga sản xuất và các nhà thầu mới trong nước chắc chắn sẽ xuất hiện./.

GS.TS.Viktor Ushakov
(Trường Đại học Giao thông Mockva-
MADI)

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 10
(ngày 16/3/2018)

ND: Lê Minh

Hội nghị thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai

Ngày 27/11/2018, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế (KKT) mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn năm 2050 (Đồ án). Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì Hội nghị.

Dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng thẩm định, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Nam, Trưởng BQL KKT mở Chu Lai.

Theo Báo cáo thuyết minh tóm tắt Đồ án, do đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - VIUP) trình bày, KKT mở Chu Lai được thành lập năm 2003 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, là KKT ven biển đầu tiên của Việt Nam được áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt, có môi trường đầu tư thuận lợi cho mọi tổ chức kinh doanh trong nước, quốc tế.

KKT mở Chu Lai có điều kiện giao thông rất thuận tiện, đa dạng gồm đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, có tổng diện tích tự nhiên 27.040ha, bao gồm thị trấn Núi Thành, 6 xã Tam Quang, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam, Tam Tiến và một phần xã Tam Nghĩa thuộc huyện Núi Thành; các xã Tam Thanh, Tam Phú, một phần xã Tam Thăng và phường An Phú thuộc TP Tam Kỳ; các xã Bình Hải, Bình Sa, một phần xã Bình Nam, Bình Trung, Bình Tú, Bình Triều, Bình Minh, Bình Đào thuộc huyện Thăng Bình. Về ranh giới địa lý của KKT, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và sông Bàn Thạch, phía Nam giáp huyện Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi), phía Bắc giáp đường nối QL 1A với đường ven biển 129.



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu kết luận Hội nghị

Tính đến năm 2016, KKT mở Chu Lai có dân số 128.094 người, bao gồm 14,31% dân số đô thị và 85,69% dân số nông thôn. Dân cư tại đây phân bố không đồng đều, mật độ dân số thưa thớt và có sự chênh lệch lớn giữa các khu vực, bình quân 474 người/km², tỷ lệ tăng dân số trung bình 1,76%, trình độ dân trí và mức sống chưa cao. Dân số trong độ tuổi lao động ở KKT mở Chu Lai khoảng 69.000 người, lao động có việc làm ước tính đạt khoảng 52.700 người và 22.930 người đang làm việc trên địa bàn khu kinh tế. Bên cạnh đó, trong bán kính 100km quanh KKT mở Chu Lai có dân số 8 triệu người cũng là nguồn cung cấp lao động dồi dào cho các dự án đầu tư. Việc nằm gần các trung tâm đào tạo lớn của miền Trung như: Đà Nẵng, Huế và Quy Nhơn cũng giúp KKT thuận lợi trong việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Tính đến ngày 31/05/2018, KKT mở Chu Lai đã thu hút 150 dự án với tổng số vốn đầu tư hơn 86,3 nghìn tỷ đồng; 103 dự án đi vào hoạt động với số vốn thực hiện hơn 139,0 nghìn tỷ đồng.

Theo Đồ án, KKT mở Chu Lai được điều chỉnh với tính chất là KKT biển đa ngành, đa lĩnh vực, là một trong những hạt nhân, trung tâm phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung; là

khu vực phát triển đô thị, trung tâm công nghiệp ô tô và công nghiệp phụ trợ ngành ô tô, hàng không, trung tâm khí - điện và sản phẩm hóa dầu, công nghiệp dệt may và phụ trợ ngành dệt may, các loại hình công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và có hàm lượng chất xám cao, trung tâm sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm du lịch dịch vụ gắn với khai thác sân bay Chu Lai và hệ thống cảng Chu Lai - Kỳ Hà.

Bên cạnh đó, KKT mở Chu Lai còn được quy hoạch trở thành một trong những đầu mối giao thông vận tải, giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung, Tây Nguyên, là cửa ngõ kết nối ra biển của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan và là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Về phát triển không gian KKT, Đồ án đưa ra các định hướng gồm: Phát triển không gian các khu công nghiệp; phát triển cảng biển, sân bay Chu Lai, các khu dịch vụ hỗ trợ và khu phi thuế quan; phát triển du lịch - không gian xanh; phát triển đô thị và các khu dân cư hiện có; phát triển không gian nông nghiệp. Định hướng phát triển không gian KKT được điều chỉnh với quan điểm nghiên cứu, rà soát, kế thừa hợp lý các kết quả nghiên cứu Đồ án Quy hoạch chung xây dựng KKT mở Chu Lai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23/3/2004 và các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch ngành liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bên cạnh đó, Đồ án cũng đưa ra các định hướng về phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược, các dự án ưu tiên đầu tư và biện pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng KKT mở Chu Lai.

Nhằm hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Đồ án, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội

đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý giúp đơn vị tư vấn tiếp thu và hoàn chỉnh Báo cáo, trên các lĩnh vực: Giao thông, môi trường, đầu tư, công thương, tài chính, quốc phòng an ninh, hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch kiến trúc, đô thị, quy hoạch rừng phòng hộ. TS. Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, chuyên gia phản biện nhận xét, đơn vị tư vấn cần đánh giá lại ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến khu vực; xem xét khả năng cung cấp nước cho các đô thị; đánh giá kỹ hơn bản đồ hiện trạng giao thông, bản đồ đánh giá đất xây dựng. Bên cạnh đó, Đồ án cần làm rõ bản đồ phân bố các khu công nghiệp được điều chỉnh, bổ sung giải pháp cấp nước và hạ tầng phục vụ cho khu vực nông thôn và xác định rõ nguồn vốn đầu tư nhằm đảm bảo tính khả thi cho các dự án.

Chủ tịch Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam Trần Ngọc Chính góp ý tỉnh Quảng Nam cần nghiên cứu phát triển sân bay Chu Lai trở thành một trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế; làm rõ kết nối giữa hệ thống sân bay, cảng biển, đường sắt trong khu vực với hệ thống giao thông quốc gia và xem xét việc xây dựng hồ Phú Ninh thành một điểm nhấn thu hút và phát triển du lịch. Đại diện Vụ Quy hoạch kiến trúc - Bộ Xây dựng đề nghị đơn vị tư vấn làm rõ những nội dung điều chỉnh của Đồ án lần này như ranh giới quy hoạch, tính chất khu kinh tế trong tình hình mới, hạ tầng kỹ thuật; phân khu và quy mô các khu chức năng; đánh giá hiện trạng theo đúng định hướng quy hoạch sử dụng đất trong Quyết định 43/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng KKT Chu Lai; xem xét định hướng sử dụng đất và chuyển dịch dân cư đến năm 2035.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng đánh giá hồ sơ Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh

tế (KKT) mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn năm 2050 đã đảm bảo đầy đủ, đúng trình tự thủ tục theo quy định, bám sát nội dung nhiệm vụ điều chỉnh KKT mở Chu Lai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh yêu cầu đơn vị tư vấn bổ sung Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, làm căn cứ triển khai Đồ án, xem xét lại dự báo tăng dân số, tỷ lệ đô thị hóa đảm bảo hợp lý, đồng thời tiến hành đánh giá đầy đủ, kỹ lưỡng hiện trạng KKT mở Chu Lai, nêu rõ những nhiệm vụ đã làm được hoặc chưa đạt

được trong quá trình thực hiện Quy hoạch chung xây dựng KKT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 43/2004/QĐ-TTg ngày 23/3/2004.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, sớm hoàn chỉnh Báo cáo thuyết minh Đồ án, gửi UBND tỉnh Quảng Nam xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định./.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắc Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 28/11/2018 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắc Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với sự tham dự của các thành viên Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng. Đại diện tỉnh Đắc Nông có ông Trần Xuân Hải - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh và ông Đặng Gia Dũng - Giám đốc Sở Xây dựng.

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cho biết, đây là Đồ án quy hoạch xây dựng cuối cùng được thẩm định theo Luật Xây dựng trước khi Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Việc lập Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đắc Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo Nhiệm vụ quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1439/QĐ-TTg ngày 19/7/2016. Quy hoạch này sau khi được Thủ tướng phê duyệt sẽ có vai trò rất quan trọng đối với tỉnh Đắc



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị Nông, là cơ sở để tỉnh Đắc Nông quản lý và triển khai các dự án đầu tư, lập các quy hoạch cấp dưới theo nhu cầu của tỉnh.

Báo cáo tóm tắt các nội dung chính của Đồ án, đại diện đơn vị tư vấn lập quy hoạch cho biết, mục tiêu tổng quát của quy hoạch này nhằm tạo lập một không gian phát triển bền vững, kết hợp hài hòa giữa tiềm năng và nhu cầu phát triển vùng để nâng cao chất lượng môi trường sống, tạo cho các đô thị phát huy vai trò hạt nhân phát triển các vùng kinh tế - dân cư



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông Trần Xuân

Hải phát biểu tại Hội nghị

trên địa bàn tỉnh cũng như trong vùng, và tạo lập các cơ sở lựa chọn, nghiên cứu phát triển công nghiệp, du lịch...

Theo đó, phạm vi lập quy hoạch của Đồ án gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Đắk Nông 6.509,27km², dân số khoảng 609.595 người, với 08 đơn vị hành chính là thị xã Gia Nghĩa, các huyện Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song, Đắk R'Lấp, Tuy Đức và Đắk Glong. Quy hoạch xác định Đắk Nông là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về an ninh - quốc phòng; là một trong những trung tâm kinh tế - xã hội của vùng Tây Nguyên, một cực tăng trưởng quan trọng trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, có vị thế trên trường quốc tế; là trung tâm khai thác, chế biến Bô-xít - Nhôm của Việt Nam; là vùng nguyên liệu cây công nghiệp bền vững với các sản phẩm chủ lực có thương hiệu toàn cầu như café, cao su...; là vùng có môi trường tự nhiên, văn hóa, lịch sử... được bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị làm nền tảng phát triển du lịch văn hóa, sinh thái, là một phần quan trọng của vùng Tây Nguyên; là đầu mối giao thông có vị trí thuận lợi về giao thương với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam Tây Nguyên, khu vực Tam giác phát triển với các khu vực khác của quốc gia và quốc tế, gắn với hệ thống trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ (tài chính, du lịch, trung chuyển hàng hóa) cấp quốc gia.

Đồ án đưa ra dự báo dân số toàn vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 khoảng 777.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 273.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 35%; đến năm 2035 khoảng 929.000 người, trong đó dân số đô thị 418.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%.

Hệ thống đô thị vùng tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 phát triển theo từng giai đoạn phù hợp với Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050; Chương trình phát triển đô thị quốc gia và các quy hoạch vùng Tây Nguyên, vùng Biên giới Việt Nam - Campuchia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông và toàn vùng.

Theo Đồ án, vùng tỉnh Đắk Nông được chia thành 03 tiểu vùng phát triển gồm tiểu vùng phía Bắc, dự kiến lấy đô thị Đắk Mil là trung tâm; tiểu vùng trung tâm gồm thị xã Gia Nghĩa và các huyện Đắk Glong, Đắk Song; tiểu vùng Tây Nam gồm các huyện Đắk R'Lấp, Tuy Đức, lấy đô thị Đắk R'Lấp làm trung tâm của tiểu vùng.

Đồ án đã đưa các định hướng phát triển về phát triển đô thị, nông thôn, các ngành kinh tế công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, các lĩnh vực hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư trong thời gian tới... dựa trên thế mạnh tiềm năng và điều kiện thực tế của tỉnh Đắk Nông.

Nhận xét về Đồ án, các chuyên gia phản biện của Hội đồng thẩm định nhất trí với các nội dung cơ bản của báo cáo thuyết minh đồ án cũng như dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng; đánh giá Đồ án được nghiên cứu công phu, số liệu được cập nhật, các dự báo của quy hoạch là có cơ sở, các định hướng phát triển đề xuất phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về khai khoáng bô xít, nông nghiệp và lâm nghiệp, du lịch, giao thương qua biên giới với nước bạn Campuchia. Bên cạnh đó, các chuyên gia phản biện đề nghị nhóm nghiên cứu bổ sung và đánh giá kỹ hơn về hiện trạng phát triển của các ngành nông, lâm, thủy

sản và vấn đề hình thành các vùng chuyên canh; làm nổi bật những hạn chế, thách thức và cơ hội phát triển của Đăk Nông; định hướng phát triển các khu chức năng đặc thù cần có khoanh vùng phát triển; định hướng phát triển các ngành cần làm rõ khu vực phát triển, quy mô phát triển; đề xuất các khu vực cấm hoặc hạn chế phát triển về phía hạ lưu của công nghiệp khai khoáng bô xít để phòng ngừa các tai biến; bổ sung đánh giá tình hình đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hiện trạng thoát nước đô thị, thu gom xử lý nước thải, rác thải, đánh giá vấn đề ô nhiễm nguồn nước do hoạt động nông nghiệp; rà soát lại các số liệu về chỉ tiêu sử dụng đất, tỷ lệ cấp nước đô thị - nông thôn, tỷ lệ thất thoát nước sạch...

Tại Hội nghị, các thành viên của Hội đồng thẩm định cũng đóng góp nhiều ý kiến cho nhóm nghiên cứu hoàn thiện thuyết minh Đồ án, trong đó đề nghị bổ sung các cơ sở pháp lý, phân giai đoạn phát triển đô thị cho phù hợp với nguồn lực hữu hạn, tránh đầu tư dàn trải; khoanh định rõ phạm vi bảo vệ rừng; làm rõ mối liên kết giữa các tiểu vùng, giữa sự phát triển

của các đô thị với các chức năng khác trong các phân vùng quy hoạch...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định, trong đó lưu ý bổ sung cơ sở pháp lý về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, các Nghị quyết, chương trình liên quan đến việc đề xuất các định hướng phát triển, các chỉ tiêu sử dụng đất, bảo vệ rừng, đảm bảo an ninh - quốc phòng; bổ sung và làm rõ hơn trong Đồ án về hiện trạng phát triển các ngành nông, lâm, thủy sản, du lịch, hiện trạng và định hướng phát triển giao thông; rà soát lại các bản vẽ, các số liệu để đảm bảo tính thống nhất.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đánh giá cao nỗ lực của đơn vị tư vấn trong việc thực hiện Đồ án này, đồng thời đề nghị UBND tỉnh Đăk Nông chỉ đạo đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch đô thị nông thôn quốc gia (VIUP) hoàn thiện Đồ án, dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt để sớm trình Thủ tướng Chính phủ./.

Minh Tuấn

Hội thảo “Quản lý và phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn”

Ngày 30/11/2018, tại TP. Bắc Ninh, Viện Kiến trúc quốc gia phối hợp với Sở Xây dựng Bắc Ninh tổ chức Hội thảo “Quản lý và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn”.

Dự Hội thảo có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tiến Nhường, Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường (Bộ Xây dựng) Vũ Ngọc Anh, Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia Đỗ Thanh Tùng, Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Ninh Nguyễn Tiến Tài, các chuyên gia trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc toàn quốc.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tiến Nhường chào mừng đại diện các Bộ, ngành Trung ương,

các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng về dự Hội thảo.

Theo Phó Chủ tịch Nguyễn Tiến Nhường, những năm qua, Bắc Ninh chú trọng đặc biệt đến công tác đầu tư, quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, trong đó có quản lý và phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn, đưa Bắc Ninh từ một tỉnh thuần nông trở thành một đô thị có diện mạo hiện đại, một cực phát triển năng động của vùng Thủ đô Hà Nội, có tốc độ phát triển kinh tế xã hội hàng năm từ 10 - 15%.

Phó Chủ tịch Nguyễn Tiến Nhường mong muốn các chuyên gia, đại biểu tham dự Hội thảo thảo luận, góp ý giúp Bắc Ninh xây dựng



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tiến
Nhường phát biểu tại Hội thảo*

những giải pháp hiệu quả hơn nữa trong quản lý và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn, góp phần xây dựng và phát triển Bắc Ninh trở thành đô thị hiện đại, văn minh gắn liền với gìn giữ và và phát huy truyền thống văn hóa, lịch sử đặc sắc của vùng Kinh Bắc.

Tại Hội thảo, các chuyên gia và đại biểu đã sôi nổi thảo luận nhiều vấn đề liên quan đến quản lý và phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn và kiến trúc cảnh quan tỉnh Bắc Ninh, như: Quản lý và phát triển kiến trúc cảnh quan Bắc Ninh theo hướng hiện đại, sinh thái, văn hóa; duy trì và phát huy mạch huyết văn hiến, văn vật, văn hóa xứ Kinh Bắc; khai thác nhân tố văn hóa bản địa trong định hướng kiến trúc; đi tìm “hồn” cho đô thị Bắc Ninh; định hướng bảo vệ và phát triển hệ thống không gian xanh tỉnh Bắc Ninh, hướng tới thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo TS. Trương Văn Quảng - Phó Tổng thư ký Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Bắc Ninh là chiếc nôi văn hóa của vùng đồng bằng Bắc Bộ với rất nhiều đình, chùa, làng nghề nổi tiếng, nhiều nét văn hóa độc đáo song cũng là một đô thị phát triển năng động của vùng Thủ đô. Do đó, Bắc Ninh cần phân thành các vùng khác nhau theo tiêu chí cụ thể để có cách ứng xử phù hợp với từng vùng, đảm

bảo phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn Bắc Ninh mang đậm bản sắc văn hóa vùng Kinh Bắc nhưng cũng có nhiều yếu tố của kiến trúc hiện đại.

Bàn về không gian, kiến trúc, cảnh quan văn hóa các khu vực nông thôn nói chung và các làng nghề truyền thống nói riêng vùng Đồng bằng Bắc Bộ, PGS.TS.KTS. Nguyễn Vũ Phương - Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung cho biết, các làng nghề truyền thống nói riêng vùng Đồng bằng Bắc Bộ đang đứng trước những nguy cơ và thách thức chung, đó là sự ảnh hưởng biến đổi khí hậu; những áp lực của vấn đề gia tăng dân số và đô thị hóa, tính toàn vẹn của di sản văn hóa, cảnh quan di tích. Bảo tồn không gian, kiến trúc, cảnh quan không chỉ cần thiết ở những khu vực được khoanh vùng di tích lịch sử mà nó cần thiết trong những quy hoạch thông thường nhất tại các điểm định cư nông thôn đã hình thành lâu đời. Điều này đảm bảo cho các khu định cư đó có sự kế thừa hay tính liên tục - một khía cạnh của phát triển bền vững.

Trình bày tham luận “Rà soát hệ thống văn bản pháp luật về quản lý kiến trúc đô thị”, ThS.KTS. Nguyễn Minh Đức - Giám đốc Viện Nhà ở và Công trình công cộng (thuộc Viện Kiến trúc quốc gia) cho biết: Trong những năm gần đây, bộ mặt kiến trúc đô thị và nông thôn Việt Nam đã có nhiều thay đổi đáng kể. Nhiều công trình lớn, đường phố, khu đô thị và các khu nhà ở mới đã được xây dựng. Tại các khu vực nội thành các đô thị, nhiều khu nhà lụp xụp, kém chất lượng đã được cải tạo, xây mới. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động xây dựng, công tác quản lý kiến trúc đô thị cũng đã đạt được những bước tiến nhất định. Sự thay đổi này không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và cải thiện môi trường sống cho nhân dân mà còn tạo ra diện mạo kiến trúc mới.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kiến trúc đô thị bước đầu đã được xây dựng, ban hành, tạo tiền đề cho việc thiết lập trật tự xây dựng và phát triển kiến trúc đô thị. Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 112/2002/QĐ - TTg ngày 3/9/2002 là cơ sở về phát triển kiến trúc tại các địa phương trên cả nước. Các địa phương đã và đang ban hành các Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc để quản lý. Bên cạnh đó việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới đã làm cho bộ mặt kiến trúc của nông thôn được nâng cao. Kết cấu hạ tầng, không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn được quan tâm.

Tuy nhiên, song song với những kết quả đạt được, việc quản lý, phát triển kiến trúc Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại, bất cập như: Khung pháp luật chưa đồng bộ, thiếu các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết việc quản lý kiến trúc, thiếu cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kiến trúc đô thị, nông thôn; ý thức chấp hành quy hoạch và pháp luật cùng với nhận thức về quản lý và phát triển kiến trúc chưa cao; năng lực của cán bộ và công chức về quản lý đô thị một số còn hạn chế; thiếu kinh nghiệm quản lý trong tình hình phát triển hiện nay; cần chuẩn hóa các khái niệm cơ bản tránh sự hiểu nhầm gây khó khăn trong việc quản lý phát triển kiến trúc đô thị.

Về quản lý kiến trúc nông thôn, phần lớn các làng xã, đặc biệt là những làng xã ven đô đang mất dần những giá trị truyền thống. Các thị tứ, thị trấn, khu công nghiệp hình thành tự phát, bám vào hai bên trục đường chính gây cản trở giao thông. Hình thức kiến trúc tại các làng, bản vùng núi đang mất dần bản sắc riêng. Hầu hết các mẫu nhà sử dụng tại đây được du nhập từ các đô thị đồng bằng. Tình trạng xây dựng nhà

ở vi phạm các hành lang an toàn giao thông, đề điều và chiếm dụng đất canh tác khá phổ biến trong khi những nghiên cứu thiết kế điển hình nhà ở nông thôn của các cơ quan tư vấn quy hoạch và kiến trúc hầu như vẫn không được dân cư tiếp nhận tự nguyện. Tại khu vực nông thôn, việc xây dựng khá tùy tiện, không có hướng dẫn định hướng cho kiến trúc trong xây dựng nhà ở nông thôn cho người dân. Vì vậy, cấu trúc làng xã đã biến dạng, kiến trúc pha tạp đang làm mất dần bản sắc Việt Nam.

Mặt khác, do điều kiện kinh tế xã hội phát triển, cơ cấu của các làng quê Việt Nam dần thay đổi (cấu trúc, sản xuất, nhà ở, sinh hoạt, cơ cấu hộ gia đình...). Việc phát triển kiến trúc nông thôn hiện nay chưa có sự định hướng cụ thể gắn với những thay đổi của khu vực nông thôn. Các nghiên cứu của các nhà khoa học và định hướng của các nhà quản lý chủ yếu hướng phát triển kiến trúc nông thôn theo mô hình truyền thống. Do đó chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của khu vực nông thôn Việt Nam.

ThS.KTS. Nguyễn Minh Đức đề xuất, trong quá trình thực hiện Định hướng, chiến lược phát triển kiến trúc Việt Nam cần tập trung làm rõ vấn đề phát triển kiến trúc hiện đại giàu bản sắc, phát triển kiến trúc xanh, kiến trúc sinh thái, kiến trúc thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời phải xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, bổ sung các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kiến trúc đô thị và nông thôn; quá trình nghiên cứu ban hành quy định về quy hoạch cải tạo chỉnh trang khu đô thị cũ cần chú trọng các quy định nhằm: Tăng diện tích các công trình công cộng từ hệ thống hạ tầng cơ sở đến các công trình phục vụ, vui chơi giải trí công cộng, hạn chế phương tiện ô tô cá nhân vào các thành phố, khu phố cổ.../.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng

Ngày 6/12/2018, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng Hồ Kỳ Minh; các thành viên của Hội đồng thẩm định đại diện các Bộ, ngành Trung ương; các chuyên gia phản biện của Hội đồng.

Trình bày tóm tắt thuyết minh Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng, đại diện đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng cho biết, năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua 5 năm thực hiện, tình hình kinh tế - xã hội và thực tế phát triển của Đà Nẵng đã xuất hiện thêm những yếu tố mới, cùng với những quan điểm chỉ đạo và các chiến lược mới của quốc gia như chiến lược biển Việt Nam, phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị thông minh, các vấn đề về an ninh quốc phòng... có tác động lớn đến sự phát triển đô thị của Đà Nẵng, ảnh hưởng đến các định hướng trong quy hoạch chung đã được phê duyệt trước đây, do đó việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng là cần thiết và đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nghiên cứu điều chỉnh.

Theo đó, phạm vi nghiên cứu điều chỉnh bao gồm toàn bộ phạm vi thành phố Đà Nẵng với tổng diện tích 128.543ha (phần đất liền 98.043ha, phần diện tích quần đảo Hoàng Sa 30.500ha); không gian kinh tế - xã hội trong khu vực các địa phương và vùng kinh tế liền kề với thành phố Đà Nẵng.

Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị

phố Đà Nẵng đề ra các yêu cầu về xây dựng tầm nhìn và tính chất của đô thị Đà Nẵng. Đây sẽ là định hướng cho sự phát triển không gian của thành phố, là kim chỉ nam cho các chiến lược, kế hoạch mà thành phố cần tập trung nguồn lực để thực hiện trong dài hạn. Để xây dựng tầm nhìn, mục tiêu và tính chất của đô thị Đà Nẵng, Nhiệm vụ cũng đặt ra các yêu cầu về đánh giá vị trí và mối quan hệ vùng, các lợi thế phát triển, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, đất đai, hạ tầng xã hội, hiện trạng quy hoạch phát triển không gian và cấu trúc đô thị; dự báo các chỉ tiêu phát triển đô thị của Đà Nẵng, cũng như định hướng cho Đà Nẵng về phát triển không gian, hạ tầng kỹ thuật, các dự án ưu tiên thực hiện...

Tại Hội nghị, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến cho báo cáo thuyết minh và dự thảo Tờ trình Thủ tướng phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cho biết, trên cơ sở ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, các chuyên gia của Hội đồng, cơ quan chuyên môn của Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng sẽ ra Thông báo kết luận để làm căn cứ cho UBND Thành phố chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thành Báo cáo thuyết minh



Toàn cảnh Hội nghị

Nhiệm vụ và Tờ trình Thủ tướng phê duyệt nhiệm vụ.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh lưu ý đơn vị tư

vấn cần rà soát kỹ thuyết minh và dự thảo Tờ trình để đảm bảo tính thống nhất, bổ sung các cơ sở pháp lý và các định hướng chiến lược theo các Nghị quyết của Trung ương; Trong Nhiệm vụ cần nêu rõ các yêu cầu về nghiên cứu tính chất đô thị, mô hình cấu trúc đô thị của Đà Nẵng, về định hướng phát triển công nghiệp, giao thông, ứng phó với biến đổi khí hậu, thiết kế đô thị tạo ra các công trình điểm nhấn, cảnh quan đô thị mang tính đặc trưng của Đà Nẵng./.

Minh Tuấn

Hội thảo “20 năm Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam với sự nghiệp quy hoạch xây dựng đất nước”

Ngày 7/12/2018, tại Hà Nội, Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam tổ chức Hội thảo “20 năm Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam với sự nghiệp quy hoạch xây dựng đất nước”.

Dự và phát biểu tại Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam Trần Ngọc Chính, lãnh đạo Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hàn Quốc, đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng toàn quốc.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Chủ tịch Trần Ngọc Chính cho biết, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định cho phép thành lập ngày 02/02/1998, là thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam.

Qua 20 năm xây dựng và phát triển, Hội đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến cho các quy định của pháp luật liên quan đến quy hoạch và xây dựng. Từ nhiều năm nay, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã nhận được nhiều công văn đề nghị đóng góp ý kiến cho các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội thảo

hoạch xây dựng và quản lý đô thị của Chính phủ, Bộ Xây dựng, các địa phương. Trong các lĩnh vực hoạt động của mình, công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội các nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch và các đề án nâng cấp đô thị được Hội thường xuyên tham gia, như phản biện cho các đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô; điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TP. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050, đóng góp ý kiến và xếp hạng cho các phương án dự thi thiết kế kiến trúc

Nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Để tham vấn cho các cấp chính quyền các địa phương, các Bộ ngành và định hướng dư luận xã hội về các vấn đề quản lý và phát triển đô thị đang được quan tâm, Hội đã thường xuyên và chủ động tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm. Các ý kiến đóng góp và các kiến nghị đề xuất luôn được Hội tổng hợp làm báo cáo và gửi tới UBND tỉnh, thành phố, Bộ Xây dựng, các cơ quan có liên quan. Tại các buổi hội thảo và tọa đàm, Hội đã thu nhận được nhiều ý đóng góp của các chuyên gia và các nhà khoa học. Các ý kiến góp ý đều xác thực, cụ thể và kịp thời và nhận được sự đồng tình của xã hội và được các cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xem xét và đưa ra các giải pháp điều hành và quản lý phù hợp với pháp luật và quy hoạch được phê duyệt.

Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế cũng là thế mạnh của Hội trong suốt thời gian qua và có nhiều đóng góp trong công tác đào tạo lại đội ngũ cán bộ quy hoạch và quản lý đô thị tại các địa phương. Năm 2013-2014, trong khuôn khổ dự án hợp tác với tổ chức quốc tế KOICA Hàn Quốc “Xây dựng năng lực Quản lý hành chính Đô thị tại 10 quận nội thành TP. Hà Nội”, Hội đã tổ chức được 22 khóa đào tạo ngắn hạn cho hàng trăm lượt cán bộ công chức thuộc 10 Quận Nội thành Hà Nội về 6 lĩnh vực: Quản lý nhà nước về kinh tế đô thị; quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị; quản lý nhà nước về môi trường đô thị; quản lý nhà nước về giao thông đô thị; quản lý nhà nước về văn hóa đô thị; quản lý nhà nước về xã hội đô thị. Cũng trong thời gian này, Hội đã phối hợp với tổ chức UN HABITAT và Tổ chức hợp tác quốc tế Hàn Quốc KOICA tổ chức khóa đào tạo: “Quy hoạch cho lãnh đạo thành phố Hà Nội” cho lãnh đạo các quận, huyện, sở, ban ngành TP. Hà Nội. Kết quả các học viên được tiếp cận một cách đầy đủ, toàn diện về các nội dung và thông tin có liên quan đến công tác quy hoạch và quản lý



Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam Trần Ngọc Chính phát biểu tại Hội thảo

đô thị. Nhiều kinh nghiệm đã được chia sẻ và trao đổi trong quá trình thảo luận nhóm. Điều này giúp cho các học viên có thêm kinh nghiệm khi đưa ra các giải pháp để giải quyết công việc trong lĩnh vực công tác của mình.

Chủ tịch Trần Ngọc Chính cảm ơn Chính phủ, Bộ Xây dựng cùng các Bộ ngành Trung ương, các hội, hiệp hội chuyên ngành Xây dựng và các địa phương đã quan tâm giúp đỡ, đồng hành với Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam trong suốt 20 năm qua.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá, trong suốt 20 năm xây dựng và phát triển, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam là một trong những hội nghề nghiệp chuyên ngành đóng vai trò tích cực trong công tác tư vấn, phản biện xã hội về các vấn đề quan trọng của Chính phủ, Bộ xây dựng và tham vấn cho các địa phương về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.

Những năm gần đây, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam đã tham gia tích cực, trách nhiệm trong công tác xây dựng Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Quy hoạch... thể hiện sự hiệu quả trong hoạt động phối hợp giữa Hội với Bộ Xây dựng. Bên cạnh đó, Hội thường xuyên tổ chức hội thảo về các vấn đề được xã hội quan tâm, đặc biệt là các chủ đề liên quan đến quy hoạch phát triển đô thị, như: Đô thị ứng phó với biến đổi khí



Toàn cảnh Hội thảo

hậu, đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh... giúp cơ quan quản lý nhà nước có thêm những cơ sở để xây dựng và đưa ra các chính sách hiệu quả, kịp thời.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đánh giá cao định hướng tăng cường, mở rộng quan hệ quốc tế giữa Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam với các Hội Quy hoạch phát triển đô thị các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới, đồng thời bày tỏ tin tưởng trong thời gian tới, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam sẽ

tiếp tục có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Xây dựng nói riêng, đất nước nói chung.

Tại Hội thảo, các chuyên gia và đại biểu khách mời đã trao đổi, thảo luận nhiều đề tài quan trọng xoay quanh chủ đề của Hội thảo và đưa ra những góp ý về định hướng xây dựng và phát triển Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam trong thời gian tới, như: 20 năm Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam - Dấu ấn nổi trội về tư vấn, giám định, phản biện xã hội; nâng tầm vị thế của kinh tế tư nhân trong quy hoạch phát triển đô thị 4.0; phương pháp phát triển đô thị để đạt tăng trưởng bao trùm; 15 năm đồng hành cùng thành phố của Hội Quy hoạch phát triển đô thị TP. Hồ Chí Minh; Hoạt động của Hội Quy hoạch phát triển đô thị TP. Đà Nẵng hướng đến thành phố thịnh vượng, thông minh, tiện ích, có bản sắc và bền vững./.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư

Ngày 11/12/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Triển khai thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 9/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư. Hội nghị do Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chủ trì.

Dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành Trung ương, Ngân hàng Nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng.

Phát biểu tại hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều chính sách pháp luật về quản lý, vận hành, sử

dụng nhà chung cư, như: Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các Nghị định, thông tư hướng dẫn kèm theo. Trên cơ sở đó, các địa phương đã chủ động đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, góp phần quan trọng đảm bảo việc quản lý nhà ở nói chung và quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư nói riêng đi vào nền nếp, xây dựng đời sống văn minh cho cư dân tại các đô thị.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư còn một số hạn chế, bất cập như: Việc quản lý chưa được thực hiện

ng nghiêm túc; tình trạng tranh chấp, khiếu nại liên quan đến tổ chức hội nghị nhà chung cư; thành lập và quyết định công nhận ban quản trị nhà chung cư; lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư; xác định diện tích sở hữu chung - riêng; quản lý và sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung, kinh phí quản lý vận hành; bàn giao nhà ở khi chưa được nghiệm thu phòng cháy chữa cháy theo quy định, công tác phòng cháy chữa cháy còn nhiều bất cập, nguy cơ cháy nổ cao...

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư và khắc phục kịp thời các hạn chế, bất cập nêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 9/10/2018, giao Bộ Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư và chủ sở hữu, chủ sử dụng chung cư; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, vận hành nhà chung cư để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về phần diện tích thuộc sở hữu chung và sở hữu riêng trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản; đôn đốc, hướng dẫn chính quyền các địa phương, các tổ chức, cá nhân tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nhà ở, đặc biệt là pháp luật quy định về quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư; phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, vận hành nhà chung cư, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm



Thủ tướng Nguyễn Văn Sinh chủ trì hội nghị

theo thẩm quyền.

Cũng tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an: Phối hợp với các địa phương tăng cường phổ biến tuyên truyền các quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các văn bản hướng dẫn thi hành; các biện pháp, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy tại các chung cư; chỉ đạo các cơ quan chức năng nâng cao chất lượng thẩm định dự án, thực hiện công tác nghiệm thu; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như việc thực hiện thẩm định, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; bảo đảm thanh tra, kiểm tra đủ số lần, số lượt theo đúng quy định của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà - chung cư; đôn đốc cơ sở bảo đảm các điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy, tổ chức, duy trì lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại chỗ; xử lý nghiêm các vi phạm về phòng cháy, chữa cháy; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức điều tra, khởi tố, truy cứu trách nhiệm đối với các chủ thể có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư, đặc biệt là hành vi chiếm dụng, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư trái quy định của pháp luật.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ tướng Chính phủ giao: Tiếp tục đẩy

manh việc tổ chức phổ biến tuyên truyền các quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về phòng cháy chữa cháy, đặc biệt là các quy định liên quan đến việc quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư trên địa bàn; ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể việc quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư để triển khai áp dụng trên địa bàn; công bố quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch đô thị, dự án đầu tư xây dựng chung cư, trong đó xác định rõ phạm vi, ranh giới phần diện tích xây dựng chung cư, phần diện tích đất sử dụng chung trong khu đô thị; chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư theo quy định của Luật Nhà ở 2014, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở và Quy chế quản lý vận hành nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/2/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng; thực hiện rà soát việc sử dụng đất xây dựng chung cư đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt; rà soát việc chấp hành Giấy phép xây dựng các dự án chung cư liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người dân mua nhà, nhằm giải quyết dứt điểm những tranh chấp, khiếu kiện trong thời gian vừa qua.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các địa phương ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở; kiên quyết tổ chức cưỡng chế thu hồi kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở và Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư đã ban hành; xử lý nghiêm các trường hợp thành

viên Ban quản trị sử dụng kinh phí bảo trì trái quy định của pháp luật; yêu cầu các chủ đầu tư và các chủ sở hữu căn hộ mua bảo hiểm cháy nổ theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy và pháp luật kinh doanh bảo hiểm; chỉ đạo UBND các quận, huyện trên phạm vi địa bàn ban hành quyết định công nhận Ban quản trị nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở, UBND cấp phường theo dõi, kiểm tra, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; phối hợp với Bộ Công an chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tăng cường công tác phòng chống cháy, nổ; tổ chức tập huấn, diễn tập nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cư dân; thường xuyên kiểm tra, rà soát các cơ sở có nguy cơ cháy cao trên địa bàn, đặc biệt là các chung cư cao tầng có đông dân cư sinh sống, kịp thời phát hiện chấn chỉnh, khắc phục các vi phạm;

Tại Hội nghị, Bộ Xây dựng tiến hành tham vấn ý kiến các đại biểu về các nội dung của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 16/12/2016 của Bộ Xây dựng cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư.

Phát biểu tại hội nghị, Đại diện Ngân hàng Nhà nước, UBND TP. Hà Nội và Hiệp hội Quản lý tòa nhà nêu lên sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian quản lý tài khoản quỹ bảo trì cũng như cần có chế tài xử lý mạnh tay hơn nữa đối với những chủ đầu tư vi phạm các quy định pháp luật cũng như thực hiện không nghiêm túc về việc gửi hợp đồng mua bán căn hộ tới ngân hàng để ngân hàng thực hiện các thủ tục bảo lãnh tài sản (nhà ở) hình thành trong lương lai cho người dân.

Ghi nhận hiện nay trên toàn quốc có không ít chung cư xảy ra tình trạng tranh chấp, song đại diện UBND TP. Hồ Chí Minh đánh giá, thực tế các đô thị có rất nhiều tòa nhà, chung cư,

chủ đầu tư chấp hành đầy đủ và hiệu quả các quy định, chính sách quản lý nhà nước về quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư, góp phần xây dựng các đô thị văn minh, hiện đại, phát triển bền vững các thành phố. Vì thế, Bộ Xây dựng cần có quy định khen thưởng kịp thời đối với những chung cư, chủ đầu tư tiêu biểu, làm cơ sở nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Kết luận hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cảm ơn đại diện các Bộ, ngành Trung ương, Ngân hàng Nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố, các hội, hiệp hội chuyên ngành đã tham dự hội nghị và đóng góp ý kiến giúp Bộ Xây dựng triển khai hiệu quả Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư cũng như sửa đổi một số nội dung của Quy chế quản lý, sử dụng nhà

chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 16/12/2016 của Bộ Xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đề nghị các địa phương tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư, kịp thời phát hiện các sai phạm và xử lý nghiêm theo thẩm quyền; đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng đẩy mạnh phổ biến tuyên truyền chính sách pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư.

Trần Đình Hà

Cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ 5 (JCC) Dự án tăng cường năng lực - Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển thoát nước Việt Nam

Ngày 13/12/2018, tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã tổ chức Cuộc họp Ban điều phối chung lần thứ 5 (JCC) của Dự án tăng cường năng lực - Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển thoát nước Việt Nam. Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, PGS.TS. Mai Thị Liên Hương và bà Shimodaira Chie - Giám đốc Phòng Môi trường, Ban Môi trường của JICA điều hành cuộc họp.

Bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với Văn phòng JICA trụ sở, JICA Việt Nam và các chuyên gia của JICA đã luôn hợp tác nhiệt tình với Cục HTKT trong việc điều phối, vận hành Dự án Tăng cường năng lực - Thành lập Trung tâm đào tạo và phát triển thoát nước Việt Nam, Cục trưởng Mai Thị Liên Hương cho biết, trong năm qua, Dự án đã hoàn thành được mục tiêu tiến



Toàn cảnh cuộc họp

độ của Hợp phần hỗ trợ thiết kế quy hoạch thoát nước, thông qua việc hỗ trợ lập quy hoạch thoát nước cho thành phố Nam Định (đã được UBND tỉnh Nam Định phê duyệt), và Hợp phần đào tạo đã triển khai được 7 khóa đào tạo với trên 300 học viên trên cả nước. Tại cuộc họp này, các chuyên gia của Dự án sẽ báo cáo kế



Các đại biểu dự cuộc họp

hoạch công tác, kế hoạch hành động của dự án, trình diễn phần mềm hỗ trợ thiết kế cống (PDP), Hệ thống cơ sở dữ liệu cho các công trình thoát nước.

Theo ông Takeki Kajura - Trưởng đoàn tư vấn phụ trách quy hoạch công trình thoát nước cho biết, từ nay đến khi kết thúc dự án chỉ còn 06 tháng, trong thời gian đó, còn rất nhiều hoạt động và công tác cần cả phía Việt Nam và Nhật Bản phải phối hợp thực hiện: Soạn thảo cơ cấu và kế hoạch thành lập đơn vị thực hiện đào tạo lĩnh vực thoát nước và trình cấp có thẩm quyền

phê duyệt; thực hiện đào tạo cơ bản dựa trên chương trình đào tạo chi tiết; tổ chức đào tạo giảng viên nguồn, trong đó có các tiểu mục công việc như xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo hiệu quả, chuẩn bị tài liệu đào tạo, thực hiện các khóa đào tạo về thiết kế và quy hoạch, mua sắm thiết bị, vật tư cho công tác đào tạo...

Tại cuộc họp, sau khi nghe các báo cáo, hai bên đã tích cực thảo luận về công tác phối hợp, cũng như kế hoạch để đảm bảo cho dự án hoàn thành đạt hiệu quả cao nhất.

Phát biểu tổng kết hội thảo, theo bà Shimodaira Chie, trong những tháng tới, dự án sẽ hoàn thành các kết quả đã đề ra, vấn đề là cần phải thể chế hóa và nhân rộng thành quả của dự án. Thông qua việc trao đổi và thảo luận tại cuộc họp, bà Shimodaira Chie cảm ơn sự hợp tác cũng như cam kết của các bên, đồng thời chúc quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản ngày càng khăng khít và hiệu quả hơn.

Minh Tuấn

Hệ thống thu gom rác thải tự động

Hệ thống kỹ thuật thu gom rác thải tự động là phương thức thu gom vận chuyển rác thải kiểu mới đưa quá trình vận chuyển từ mặt đất xuống dưới ngầm (dưới mặt đất), thống nhất việc thu gom và vận chuyển rác thải, nguyên lý cơ bản của việc vận hành là sử dụng tuabin chân không và ống thép Cacbon thấp làm thiết bị cơ bản, đưa rác thải sinh hoạt được từ nguồn sản sinh thông qua mạng lưới đường ống chân không được lắp đặt phía dưới đường đô thị và khu vực nhà ở tới điểm tập trung (Hình 1,2). So sánh với mô hình thu gom, vận chuyển rác thải truyền thống, cách sử dụng của mô hình này có 3 ưu thế lớn: *Thứ nhất*, đưa quá trình thu gom vận chuyển rác thải từ trên mặt đất chuyển xuống dưới mặt đất, điều này có nghĩa là việc

thu gom vận chuyển rác thải rắn giống như việc cấp nước đô thị, phát xả nước thải hay vận chuyển khí thiên nhiên và điện, trở thành cơ sở hạ tầng công cộng ngầm cần thiết. *Thứ hai*, thay đổi từ lộ thiên sang khép kín, hoàn toàn cô lập với môi trường sống của cư dân, có giá trị môi trường rất mạnh. *Thứ ba*, loại bỏ sự tham gia của nhân công, do máy tính tự động kiểm soát và giám sát, nâng cao đáng kể hiệu suất thu gom vận chuyển, đây sẽ là một sự lựa chọn kỹ thuật trong phát triển thông minh hóa đô thị.

Hệ thống thu gom rác thải tự động được ứng dụng sớm nhất trong thu gom và vận chuyển rác thải từ những năm 1960 của thế kỷ XX tại một bệnh viện ở Stockholm, Thụy Điển, sau đó hệ thống này đã có được sự phát triển và mở

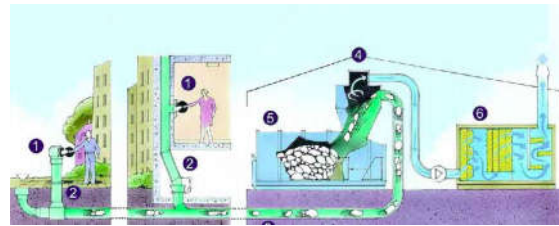
rộng tại châu Âu. Hiện tại, hệ thống kiểu này đã phát triển khá thành thực tại các nước trên thế giới, đồng thời được ứng dụng rộng rãi tại các quốc gia và khu vực như Thụy Điển, Phần Lan, Berlin, Tokyo, Seoul, Singapore..., đã có gần 1 nghìn ví dụ thành công trong vận hành kinh doanh hệ thống này. Loại hình khu vực ứng dụng chủ yếu bao gồm tiểu khu sinh hoạt, khu vực thương mại, nhà thi đấu thể dục thể thao, nhà bếp hàng không, bệnh viện...

1. Hiện trạng phát triển và ứng dụng trên thế giới

Hệ thống thu gom rác thải tự động do Công ty Envac Thụy Điển phát minh, chủ yếu sử dụng để hóa giải áp lực từ vấn đề giao thông đô thị và vấn đề rác thải, được phân thành 2 loại lớn là dạng cố định và dạng di động. Do hiệu quả môi trường nổi trội của hệ thống này, hiện tại các quốc gia hoặc khu vực như châu Âu, Đông Nam Á, Triều Tiên, Mỹ... đã ứng dụng rộng rãi hệ thống này. Trong đó, ví dụ điển hình nhất phải kể đến việc xây dựng hệ thống thu gom rác thải tại Hammarby, Thụy Điển, Làng Olympic, Barcelona, Tây Ban Nha, Wembley, Anh, Lisbon Expo, Bồ Đào Nha và thành phố Yongin, Hàn Quốc.

Để tiến hành cải tạo khu công nghiệp cũ, Thụy Điển đã xây dựng vòng sinh thái tuần hoàn. Chính phủ nước này đã tiến hành đầu tư theo các giai đoạn để xây dựng hệ thống thu gom rác thải tự động tại thành phố Hammarby (trong đó 3 hệ thống thu gom là dạng cố định và 1 hệ thống là dạng di động), độ dài bình quân của đường ống tại mỗi một hệ thống là 4.000m, quy mô thu gom là 15 tấn/ngày, hệ thống này chia thành 3 loại thu gom, gồm rác thải hữu cơ, rác thải có thể đốt và giấy. Lượng dân số phục vụ là 25 nghìn người, khoảng 11 nghìn căn chung cư. Việc ứng dụng hệ thống thu gom rác thải tự động đã cải thiện rõ rệt môi trường vệ sinh đô thị, nâng cao hiệu quả xử lý rác thải.

Để thể hiện diện mạo đô thị với môi trường



Hệ thống thu gom rác thải tự động

sống tốt đẹp, thành phố Barcelona, Tây Ban Nha khi tổ chức Thế vận hội vào năm 1992 đã ứng dụng hệ thống thu gom rác thải tự động tại Làng Olympic, đối tượng phục vụ là trung tâm thành phố, phạm vi phục vụ là 2.375 hộ và 45 nghìn m² các cơ sở thương mại, rác thải được thu gom theo dạng hỗn hợp, số lượng cửa xả rác được bố trí là 224 chiếc, độ dài đường ống là 1.180m.

Để hưởng ứng các chính sách về thu gom và tận dụng tài nguyên hóa rác thải, thành phố Wembley, Anh đã ứng dụng hệ thống vận chuyển rác thải bằng khí nén, căn cứ vào sự khác nhau về màu sắc của miệng xả rác được bố trí để phân rác thải thành rác thải hữu cơ (ví dụ như thức ăn thừa, rác thải sân vườn...), rác thải khô (như giấy, thẻ, kính, chai nhựa, đồ hộp...) và các loại rác thải sinh hoạt khác, diện tích phục vụ là 85 mẫu, khu vực phục vụ là một cộng đồng tổng hợp gồm 4.200 ngôi nhà ở, nhà hàng, khách sạn, văn phòng ... Việc ứng dụng hệ thống này đã làm giảm đáng kể sự phát thải của khí CO₂, giải phóng một lượng lớn không gian trên mặt đất (1.865m² diện tích xây dựng nhà ở, 62 bãi đỗ xe và 1.106m² diện tích xây dựng khu thương mại).

Trong thời gian diễn ra triển lãm tại Lisbon, Bồ Đào Nha đã xây dựng một hệ thống thu gom rác thải tự động, đường ống rác thải được lắp đặt ngầm trong hành lang đường ống tổng hợp, tổng cộng lắp đặt 2.600 cửa xả rác, trong đó 50 cửa xả rác được đặt ở ngoài trời, đồng thời bố trí 3 trung tâm thu gom, độ dài tổng cộng của đường ống là 50.000m, khả năng thu gom của nó là 80 tấn/ngày.

Năm 2000, thành phố Yongin, Hàn Quốc đã hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thu gom rác thải tự động dạng khép kín do Công ty Envac phát minh. Công trình xây dựng này là một trong những kế hoạch phát triển xây dựng đô thị xanh của Chính phủ Hàn Quốc. Hệ thống thu gom rác thải này có mạng lưới đường ống ngầm liên kết 105 công trình với các độ cao khác nhau và 20 tòa chung cư, có hai loại hình thu gom rác thải của 14 nghìn hộ gia đình và vô số nhà hàng, quán ăn trong khu vực này, mỗi ngày khả năng thu gom là 28 tấn, rác thải có thể thiêu đốt sau khi phân loại được vận chuyển trực tiếp tới nhà máy đốt rác để tiến hành xử lý, cung cấp điện và nhiệt năng cho 14 nghìn hộ dân, bộ phận rác thải còn lại sẽ được chôn lấp. Thực tiễn cho thấy, trên 90% hộ dân hài lòng với hệ thống này, 70% hộ dân cho rằng hệ thống này đã mang lại những giá trị gia tăng cho ngôi nhà của họ. Hiện tại, Chính phủ Hàn Quốc đang đưa hệ thống thu gom rác thải tự động dạng khép kín vào trong quy hoạch phát triển đô thị.

Hệ thống thu gom rác thải tự động là một phương pháp thu gom rác thải kiểu mới có hiệu quả cao và vệ sinh, tuy vẫn tồn tại một số khiếm khuyết như vốn đầu tư khá lớn..., nhưng những ví dụ thành công điển hình kể trên đã cho thấy, khi ứng dụng hệ thống thu gom rác thải tự động, cần ưu tiên xem xét tới hiệu quả bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng diện mạo đô thị.

2. Xem xét và thảo luận

Hệ thống thu gom rác thải tự động khi ứng dụng tại các khu vực dịch vụ có sự quản lý nghiêm ngặt như sân bay, bệnh viện, tòa nhà văn phòng... luôn thành công, nguyên nhân là do: *Thứ nhất*, do tính đơn nhất và đặc tính đơn giản trong thành phần rác thải; *Thứ hai*, tại những khu vực kể trên, khả năng có thể kiểm soát rất cao. Còn đối với các tiểu khu nhà ở, do khó khăn về mặt kỹ thuật và quản lý nên luôn gặp trở ngại. Để thuận tiện quản lý, hệ thống



Nguyên lý làm việc của hệ thống thu gom rác thải tự động

thu gom rác thải tự động trong giai đoạn hiện tại chủ yếu ứng dụng tại khu công nghệ cao, khu văn phòng, bệnh viện, sân bay..., không giới hạn với khu vực phục vụ dân cư và khu cư dân cao cấp.

Việc xây dựng hệ thống thu gom rác thải tự động cần kết hợp với khai thác không gian ngầm, do đó đây là một công trình quy mô lớn, nếu ứng dụng cho việc cải tạo cục bộ tại khu vực đô thị cũ, độ khó trong công tác xây dựng là khá lớn, vì thế cần xem xét tới hệ số độ khó trong xây dựng. Việc xây dựng hệ thống thu gom rác thải tự động thích hợp với khu vực xây dựng mới hoặc cải tạo xây dựng toàn bộ đô thị cũ, có thể dựa vào cơ sở hạ tầng đô thị để tiến hành xây dựng, ví dụ như hành lang đường ống tổng hợp.

Về việc đầu tư xây dựng, đầu tư ban đầu cho hệ thống thu gom rác thải tự động khá lớn. Do đó, nếu chỉ do Chính phủ đầu tư xây dựng và vận hành kinh doanh, áp lực sẽ rất lớn, có thể thông qua nhiều phương thức để khích lệ và dẫn dắt các nhà khai thác tham gia xây dựng hệ thống thu gom rác thải tự động.

Về loại hình rác thải, khi xem xét tới các phương diện xảy ra tại hệ thống thu gom tự động rác thải như đường kính lớn nhỏ của đường ống, hao mòn đường cong, tắc nghẽn đường ống..., nên lưu ý 7 loại rác thải dưới đây không thích hợp với việc vận chuyển qua hệ thống thu gom rác thải tự động:

- Rác thải cỡ lớn: Các đồ điện gia dụng cỡ lớn như tủ lạnh... dễ gây tắc nghẽn đường ống, do đó cần tiến hành thu gom riêng.

- Các đồ vật dễ cháy nổ: Thuốc lá đang cháy, bình xịt đã bỏ đi, diêm, bật lửa ...

- Các vật cứng: Ví dụ như đá, các phế liệu kim loại như sắt phế liệu...

- Các vật có tính bám dính: Các loại keo dán có tính bám dính cao, ví dụ kẹo cao su, các loại keo dính lỏng, keo dính nhanh...

- Các vật có thể giãn nở: Các vật dễ giãn nở và hay gây tắc nghẽn đường ống như miếng bọt biển, các miếng đệm mềm, bóng bay...

- Các loại chất hóa học có tính nguy hiểm: Có tính ăn mòn hoặc chứa độc tố, ví dụ như các chất lỏng có tính axit hoặc tính kiềm...

- Các chất lỏng như các loại canh, nước hoa quả và đồ uống... đều nên trộn lẫn với các loại rác thải loại khác rồi mới xả thải.

Tóm lại, xét từ các phương diện như kỹ thuật, đầu tư vận hành kinh doanh... trong giai đoạn hiện tại mà nói, hệ thống thu gom rác thải tự động không thể hoàn toàn thay thế phương thức thu gom rác thải truyền thống, nên coi đó là phương thức bổ sung và ứng dụng nó trong các khu vực định vị phát triển đô thị cao cấp.

Dương Diệu

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn,

số 6/2018

ND: Kim Nhạn

Kinh nghiệm về nhà ở cho thuê của Trung Quốc và các nước trên thế giới

Giải quyết vấn đề nhà ở là một vấn đề khó mang tính quốc tế. Hiện tại vẫn rất khó nói, trên thế giới, quốc gia nào giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho đông đảo người dân.

1. Tỷ lệ thuê nhà ở

Tỷ lệ thuê nhà ở tại các quốc gia và khu vực khác nhau rất khác nhau. Tại các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, tỷ lệ thuê nhà ở thường nằm trong khoảng từ 35 - 50%, tuy nhiên có hai trường hợp đặc biệt, hai trường hợp đặc biệt này là hai nước được thế giới công nhận giải quyết khá tốt vấn đề nhà ở: Thứ nhất là nước Đức, tỷ lệ thuê nhà cao hơn một chút với 56%; Thứ hai là Singapore, tỷ lệ thuê nhà cực thấp, chỉ có 9,2%.

2. Xu thế thay đổi trong tỷ lệ thuê nhà

Trong một khoảng thời gian trước và sau Đại chiến Thế giới thứ 2, tỷ lệ thuê nhà không bình thường, sau này tỷ lệ này đã phát triển khá ổn định, chỉ có chút biến động nhẹ, nước Đức, Nhật Bản trong mười mấy năm trở lại đây về cơ

bản lại có xu thế giảm nhẹ. Năm 1998, tỷ lệ thuê nhà tại nước Đức là 59,7%, năm 2014 là 56%; Nhật Bản trong giai đoạn 2003 - 2013, trong vòng 10 năm tỷ lệ thuê nhà đã giảm khoảng 1,1%.

3. Quy luật thay đổi cao thấp trong tỷ lệ thuê nhà của cùng một quốc gia

Nhìn chung, đô thị càng lớn thì quy mô gia đình càng nhỏ, tỷ lệ ly hôn càng cao; Tuổi trẻ, thu nhập thấp, tỷ lệ đi thuê nhà càng cao, đây là một lẽ thường. Đô thị càng lớn, tỷ lệ đi thuê nhà càng cao, lấy ví dụ từ Mỹ, Đức và Nhật Bản. Nước Mỹ sử dụng số liệu năm 2013, nước Đức sử dụng số liệu năm 2014, Nhật Bản sử dụng số liệu năm 2013. New York, Mỹ có tỷ lệ thuê nhà đứng thứ 2 trong toàn quốc với 64%, thành phố đứng đầu về tỷ lệ thuê nhà là Miami. Tỷ lệ thuê nhà tại Berlin, Đức là 86%. Tỷ lệ thuê nhà cao nhất tại Nhật Bản là Okinawa với 50%, thấp nhất là Nara với 24%.

Quy mô gia đình càng nhỏ thì tỷ lệ thuê nhà

càng cao. Tỷ lệ thuê nhà của các gia đình đơn thân tại Đức khá cao với 72,4%, trong khi tỷ lệ thuê nhà ở bình quân trong toàn nước Đức là 56%. Tỷ lệ thuê nhà tại các gia đình đơn thân dưới 60 tuổi tại Anh đạt 55,9%, trong khi mức tỷ lệ bình quân trong toàn nước Anh là 34,8%. Tỷ lệ thuê nhà tại các gia đình có hai người hoặc trên 2 người tại hai nước này đều thấp hơn rõ rệt so với mức tỷ lệ bình quân trong cả nước.

Tỷ lệ ly hôn cao, tỷ lệ thuê nhà cũng rất cao. Tỷ lệ ly hôn tại Đức khá cao với trên 50%, tỷ lệ thuê nhà của gia đình có con nhỏ trong năm 2014 là 78,8%, trong khi đó tỷ lệ thuê nhà của gia đình có con nhỏ nhưng không ly hôn là 43,2%. Tình hình tại nước Anh cũng như vậy, tỷ lệ thuê nhà của gia đình đã ly hôn và có con nhỏ là 68,5%.

Tuổi càng trẻ, tỷ lệ thuê nhà càng cao. Tại Đức, trên 80% người dưới 25 tuổi là người đi thuê nhà, đại bộ phận những người này ít nhất phải tới 35 tuổi hoặc hơn mới có thể mua nhà. Tỷ lệ thuê nhà trong nhóm những người có độ tuổi từ 16-24 tại Anh khá cao với 88,8%, tỷ lệ thuê nhà của những người từ 65 tuổi trở lên chiếm 22,7%.

Thu nhập càng thấp, tỷ lệ thuê nhà càng cao. Nhìn chung, tình hình gia đình tốt sẽ có xu hướng ổn định trong sự nghiệp và cư trú, những gia đình có thu nhập khá thấp, tỷ lệ thuê nhà khá cao. Ví dụ, trong giai đoạn 1960 - 2000 tại Mỹ, mặc dù tỷ lệ tự có nhà ở trong toàn xã hội không ngừng tăng lên (có nghĩa rằng tỷ lệ thuê nhà trong toàn xã hội không ngừng giảm xuống), tuy nhiên tỷ lệ các hộ gia đình khó khăn đi thuê nhà mà không mua được nhà ngày càng tăng (do tỷ lệ nhà tự có của các hộ gia đình khó khăn ngày càng thấp).

4. Loại hình nhà ở cho thuê

Loại hình nhà ở cho thuê rất đa dạng, tuy nhiên nhìn chung vẫn lấy thị trường làm chủ

đạo, Chính phủ đóng vai trò hỗ trợ; lấy hỗ trợ tiền thuê nhà là chính, cung cấp nhà ở với giá thuê thấp là phụ; cư dân cho thuê nhà là chính, cơ cấu cho thuê nhà là phụ.

- Tỷ lệ nhà ở tư nhân và nhà ở công cộng trong nhà ở cho thuê

Nhìn chung, lấy nhà ở tư hữu cho thuê làm chủ đạo, nhà ở cho thuê của Chính phủ làm phụ. Tỷ lệ nhà ở cho thuê do chính phủ cung cấp thường không quá 20%, tỷ lệ này khá thấp tại Đức, Nhật Bản và Mỹ, nhưng lại khá cao tại Anh, Pháp. Lấy ví dụ là khu vực Hong Kong, Trung Quốc, tỷ lệ nhà cho thuê do chính phủ cung cấp luôn vượt trên 20%. Tại Hong Kong, 61,7% người thuê nhà sống trong những căn nhà của chính phủ, họ gọi đây là nhà ở công, các nước khác hoặc khu vực khác đều không có trường hợp đặc biệt này.

Tại Đức, có khoảng 98% nhà ở cho thuê là của tư nhân, nhà ở cho thuê công cộng do chính phủ cung cấp chỉ chiếm 2%. Giai đoạn 2011 - 2013 tại Nhật Bản, nhà ở cho thuê công cộng do chính phủ cung cấp chỉ chiếm 7,8%.

Hong Kong hiện tại vẫn lấy nhà ở cho thuê giá rẻ được chính phủ cung cấp (nhà ở công) làm chủ đạo. Năm 2017, trong số các gia đình đi thuê nhà tại Hong Kong, có tới 61,7% nhà ở đi thuê là của chính phủ, chiếm 31% trong toàn bộ các hộ gia đình trong xã hội, tương đương với 1/3 dân số sống trong các ngôi nhà công của chính phủ. Nhà ở cho thuê của tư nhân chiếm 38,3%, chiếm 19% trong tổng số các hộ gia đình trong xã hội. Giá tiền thuê của nhà ở công rất thấp, đại khái chỉ bằng 1/4 giá thuê trên thị trường, cho nên nhà ở công luôn trong tình trạng cung không đủ cầu.

- Tỷ lệ nhà ở với giá thuê thấp do chính phủ cung cấp và tỷ lệ tiền thuê được hỗ trợ

Nhìn chung, chính phủ lấy việc phát hành trợ cấp cho thuê làm chủ đạo, cung cấp nhà ở với

tiền thuê thấp là phụ trợ. Tại các quốc gia như Mỹ, Đức, Anh..., chính phủ đã từng trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê, hoặc thông qua biện pháp thu thuế tài chính (ví dụ như cung cấp các khoản vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp trong thời gian dài) để kích lệ, hướng dẫn tư bản xã hội đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê, lấy tiền thuê thấp để cung cấp cho người có thu nhập thấp thuê ở. Tuy nhiên, sau này biện pháp này ngày càng ít đi, chủ yếu là các chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà dành cho các gia đình có thu nhập thấp, thông qua thị trường cho thuê để giải quyết vấn đề cư trú.

- Tỷ lệ cư dân và cơ cấu trong nhà ở cho thuê tư nhân

Nhìn chung, trong số nhà ở cho thuê tư nhân, nhà ở do cư dân trực tiếp cho thuê là chính, nhà ở do các cơ cấu cho thuê là phụ trợ. Tại Đức, trong số nhà ở cho thuê tư nhân, có khoảng 66% nhà ở cho thuê là từ cư dân, 34% nhà ở cho thuê là từ các cơ cấu. Trong số các nhà ở cho thuê từ các cơ cấu, nhà ở được cung cấp bởi các hợp tác xã nhà ở chiếm trên một nửa. Tại Hong Kong, ngoài các hiệp hội nhà ở ra, hiện tại các nhà ở cho thuê được cơ cấu hóa rất ít, chủ yếu là các chung cư cao cấp (chung cư dạng dịch vụ hoặc nhà ở dạng chung cư).

Nhật Bản trong giai đoạn 2011 – 2013, nhà ở cho thuê từ cư dân chiếm 82,9%, còn nhà ở cho thuê từ các cơ cấu chỉ chiếm 1,4%. Điều đáng nói là, nhà ở cho thuê từ cư dân tại Nhật Bản tuy chiếm tỷ lệ rất lớn nhưng có tới 65,2% nhà ở cho thuê của cư dân này do các cơ cấu phụ trách vận hành quản lý.

5. Quản lý tiền thuê nhà

Tại Đức, việc quản lý tiền thuê nhà hiện tại đang dần được nới lỏng. Nói một cách đơn giản, việc quản lý tiền thuê nhà chính là việc liệu chủ đầu tư có thể tự ý xác định tiền thuê và tiền thuê gia tăng. Việc quản lý tiền thuê nhà đã trải qua

giai đoạn từ nghiêm ngặt tới nới lỏng, từ toàn bộ tới cục bộ, thậm chí tới quá trình xóa bỏ. Biện pháp chủ đạo trong quản lý tiền thuê nhà là đưa ra tiêu chuẩn hướng dẫn tiền thuê nhà hoặc thu tiền thuê nhà, hạn chế biên độ gia tăng của tiền thuê nhà, tiến hành giám sát đối với tiền thuê nhà trên thị trường.

Hiện tại, các quy định pháp luật tại Đức đã nới lỏng một chút khi đưa ra các tiêu chuẩn hướng dẫn về tiền thuê nhà, hoặc các bảng biểu tham khảo về tiền thuê nhà hợp lý, trong vòng một năm, tiền thuê không được tăng bao nhiêu, liên tiếp tăng tiền thuê nhà không được vượt quá bao nhiêu, nếu vượt quá bao nhiêu sẽ bị quy vào phạm pháp. Những năm gần đây, một số nơi đã bắt đầu nới lỏng, một số nơi khác đã loại bỏ việc quản lý tiền thuê nhà. Tại Singapore, Hong Kong cũng đã từng thực hiện việc quản lý tiền thuê nhà, tuy nhiên sau này đều bãi bỏ. Tóm lại, số lượng các nước thực hiện quản lý trực tiếp đối với tiền thuê nhà không nhiều.

6. Bảo vệ hợp đồng cho thuê

Chủ yếu là vấn đề chấm dứt trước hợp đồng cho thuê và tiếp tục cho thuê: Không được tự ý chấm dứt hợp đồng thuê, cần thông báo trước. Ví dụ, tại Pháp vào mùa đông, cho dù người thuê nhà nợ tiền thuê thì chủ đầu tư cũng không được tự ý thúc dục người thuê.

7. Luật pháp về nhà ở cho thuê

Thông thường có các luật riêng cho nhà ở cho thuê, tuy nhiên Singapore không có. Tại Đức, có rất nhiều bộ luật dành riêng cho nhà ở cho thuê như “Luật Nhà ở cho thuê”, “Luật Hỗ trợ nhà ở”, “Luật Thuê nhà”... Nước Mỹ có “Luật Thống nhất giữa chủ đầu tư nhà ở và người thuê nhà”. Nước Anh có “Luật Chủ đầu tư và người thuê nhà”. Hong Kong có “Điều lệ (tổng hợp) giữa chủ đầu tư và khách thuê”. Ngoài các bộ luật như trên còn có các luật phổ thông khác, ví

dự Quy tắc chung trong luật dân sự, thông thường quan hệ cho thuê đều có một số quy định áp dụng.

8. Tỷ lệ thu nhập tiền thuê nhà

Tỷ lệ thu nhập tiền thuê nhà tức là tỷ lệ chi phí thuê nhà chiếm trong thu nhập khả dụng của hộ gia đình. Tỷ lệ thu nhập từ tiền thuê nhà hợp lý không nên vượt quá 25 - 30%, ví dụ tại Đức là 25%, Mỹ là 30%. Chính phủ nên có sự hỗ trợ về tiền thuê nhà dành cho các hộ gia đình vượt quá tỷ lệ này.

9. Tỷ lệ hoàn vốn tiền thuê nhà

Tỷ lệ hoàn vốn tiền thuê nhà là tỷ lệ giữa tiền

có được từ cho thuê hàng tháng so với giá nhà ở. Thông thường tỷ lệ này là từ 4 - 6%, tại Trung Quốc, tỷ lệ này hiện tại chỉ khoảng 1,5%. Ví dụ, tỷ lệ hoàn vốn tiền thuê nhà tại Đức ổn định trong một thời gian dài với tỷ lệ từ 4- 5%, trong khi lãi suất trái phiếu chính phủ dài hạn trên thị trường tài chính là 2 - 3%.

Sài Cường

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 6/2018

ND: Kim Nhạn

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2018



Thủ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị